

THÍCH THANH TỪ

TRON MỘT ĐỜI TÔI

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO T.P HỒ CHÍ MINH

PL. 2544 - 2000

LỜI ĐẦU SÁCH

Những mục tiêu, những áp ứ, những ước mong, từ ngày tôi bước chân vào chùa đến nay đều gói gọn trong quyển sách này. Tôi muốn cụ thể hóa những gì ôm ấp trong lòng biến thành hiện thực, nên bằng hiệu các ngôi Thiền viện hiện đứng sừng sững trước mắt mọi người là mang hết tâm tư nguyện vọng của chúng tôi. Không muốn để nguyện ước của mình cuối cùng chỉ là ảo tưởng hảo huyền, nên tôi thể hiện tâm thành của mình bằng hình thức cụ thể. Tăng, Ni khi bước chân vào cổng Thiền viện là chứng kiến khát vọng ước mơ tràn đầy của chúng tôi. Những Tăng, Ni ở trong Thiền viện là đang nằm trong bầu nhiệt huyết của tôi, luôn sưởi ấm họ mãi, không để bị trời đông giá rét.

Quyển sách này không phải chúng tôi viết mà do tôi giảng trong những ngày đầu Xuân Canh Thìn (2000), các Phật tử ghi lại và phụ vào hai bài giảng cho các Bác sĩ đến thăm Thiền viện kết hợp thành. Thấy cần thiết cho Tăng, Ni đang hướng về và tu theo chúng tôi không đi lệch hướng, tôi cho in ra phổ biến để họ có sẵn la bàn khỏi bị hoang mang trên biển cả.

Tôi bạo gan dám nói những gì tự thấy sai lạc chánh pháp, những gì quên mất cội nguồn Phật giáo Việt Nam. Biết rằng nói như vậy sẽ bị một số người bực bội không vui, chưa chắc sửa đổi được gì những tập tục cố hữu của Phật giáo Việt Nam. Song thà nói ra trút hết lòng mình, còn hơn cứ ôm ấp mãi. Biết đâu mai kia sẽ có những tri kỷ cảm thông đem ra thực hiện được tốt đẹp hơn tôi nhiều. Được thế là mãn nguyện của chúng tôi.

THÍCH THANH TỪ

Ngày 8-3-2000 (3-2 Canh Thìn).



MỤC ĐÍCH CỦA TÔI

Giảng tại Thiền viện Chân Không -Xuân Canh Thìn (08-02-2000).

Cùng tất cả Tăng, Ni và Phật tử,

Hôm nay là ngày đầu năm Canh Thìn, tôi về đây tức là Thiền viện Chân Không để dự ngày đầu Xuân, được chư Tăng chư Ni và tất cả quý Phật tử đến làm lễ chúc Tết. Qua lời chúc nguyện của Tăng, Ni và Phật tử rồi, tôi sẽ có ít lời.

Trước nhất là thành tâm cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho chư Tăng chư Ni và tất cả quý Phật tử sang năm mới này được một năm hòa vui mạnh khỏe, luôn luôn tinh tấn trên bước đường tu hành. Đó là lời cầu nguyện của chúng tôi.

Sau đây, chúng tôi sẽ có những lời giải thích về mục đích của tôi khi thành lập Thiền viện Chân Không. Tất cả Tăng, Ni và Phật tử, những người đã có mặt lúc trước, chắc không còn lạ gì với Thiền viện Chân Không. Nhưng những người mới đến hoặc là mới học thì chưa biết rõ. Giờ đây tôi nói lên mục đích của tôi khi thành lập Thiền viện này như thế nào.

Bởi vì trong thời gian tu, tôi cố gắng tu hành tìm cho ra manh mối giải thoát sanh tử mà đức Phật từng dạy người xuất gia. Chính vì nỗ lực chuyên tu trong thời gian nhập thất tại đây, tôi thấy được mục tiêu cứu kính của sự giải thoát. Cho nên tôi mở cửa thất ra và bắt đầu xây dựng Thiền viện Chân Không để hướng dẫn chỉ dạy cho Tăng, Ni và Phật tử biết được con đường tu, đạt được mục đích đức Phật đã dạy.

Tại sao tôi đặt tên Thiền viện này là Chân Không ? Có lắm vị cọt tôi, họ nói rằng ai muốn lên Thiền viện Chân Không thì phải đi chân trần. Chân Không là chân trần không có giày dép gì hết.

Thâm lý của Chân Không rất là sâu kín, siêu thoát. Người thường không thể hiểu được. Hôm nay tôi sẽ giải thích nghĩa Chân Không cho Tăng, Ni, Phật tử biết. Hiểu được nghĩa Chân Không tức là biết được mục đích của tôi nhắm.

Tất cả chúng ta khi đặt vấn đề gầy dựng đường lối tu thì phải có mục đích. Mục đích chánh của người tu Phật là giải thoát sanh tử. Cho nên nói tu để giải thoát sanh tử. Nhưng cái gì đưa chúng ta đến giải thoát sanh tử ? Đó là vấn đề hết sức quan trọng.

Khi đặt tên Chân Không thì những người có cái nhìn cạn cợt không hiểu, không thấu triệt được. Chớ những người có nghiên cứu kinh điển sâu thì chắc không có ngại gì. Bởi vì từ chuyên môn trong nhà Phật nói rằng “Chân không diệu hữu”. Đừng về thể thì nó là chân không, đứng về dụng nó là diệu

hữu. Nhưng cái diệu hữu không thể có nếu thiếu chân không. Vì vậy chân không là thể tánh của diệu hữu. Đó là tôi nói về danh từ. Tôi dụ chân không cũng như nước biển, diệu hữu cũng như sóng biển. Sóng có là từ nước, nhưng nước không phải sóng. Nước không có sóng nhưng vì duyên gió thổi mạnh, mặt nước dậy sóng. Như vậy dậy sóng là cái dụng ở bề ngoài, ở bên trên. Nhưng thể của nước không phải sóng và nó trùm khắp.

Đối với thể chân không là thể không sanh không diệt. Bởi không sanh không diệt cho nên khi chúng ta tu thể nhập được bản thể đó thì không còn bị sanh tử luân hồi nữa. Cho nên nói là giải thoát sanh tử. Ai tu muốn đạt được mục đích giải thoát thì đều phải đi sâu, nhận chân được lý chân không, sống được với cái thể chân không. Đó là giải thoát sanh tử.

Cho nên khi làm bài thơ Chân Không, tôi đặt hai câu đầu như thế này: “Chân không thể bất biến, huyền hữu thường đổi thay.” Thể chân không không đổi dời, nhưng về hình thức huyền hữu thì luôn luôn sanh diệt, đổi thay. Nói đến chân không là nói đến thể tánh bất sanh bất diệt sẵn có ở mọi người chúng ta, nhưng tất cả chúng ta quên. Chúng ta chỉ thấy, chỉ biết, chỉ nhận cái huyền hữu thôi. Huyền hữu là cái tạm bợ hư giả mà chúng ta cho là thật, nên kẹt mắc ở đó. Vì vậy đi mãi trong luân hồi sanh tử. Đây là tôi chỉ lý giải về chữ chân không. Còn tầm vóc quan trọng của chân không như thế nào thì tôi sẽ dẫn những bài kệ của các vị Tổ để quý vị thấy, các Ngài nhận ra thể chân không như thế nào và bảo nó quan trọng đến đâu.

Như Lục tổ Huệ Năng khi đến chỗ Ngũ tổ, lúc đó Ngũ tổ bảo chư Tăng trong chùa Huỳnh Mai phải trình kệ để Ngài thấy được chỗ tu hành của các vị tiến đến đâu, đạt thể nào để Ngài truyền y bát làm Tổ thứ sáu. Khi ấy trong đại chúng có ngài Thần Tú là giáo thọ sư cho năm trăm chúng. Về văn thì Ngài rất tài, nhưng về đạo thì chưa sâu. Song vì trong chúng, Ngài là người lớn là giáo thọ sư nên phải đứng ra trình kệ với Ngũ tổ. Bài kệ của Ngài khi đem lên trình mà vẫn còn ngờ chưa đến nơi nên Ngài lên viết bài kệ dán ở bên vách, chớ không dám trình thẳng với Ngũ tổ. Bài kệ là:

Thân thị Bồ-đề thọ,
Tâm như minh cảnh đài,
Thời thời cần phát thức,
Vật sử nhạ trần ai.

Tạm dịch:

Thân như cây Bồ-đề,
Tâm như đài gương sáng,

Luôn luôn phải lau chùi,
Chớ để dính bụi nhơ.

Quý vị nghe bài kệ hay chưa ? Thân như cây Bồ-đề, tâm là đài gương sáng, luôn luôn phải lau chùi, chớ để dính bụi nhơ. Ngài dụ thân mình giống như cây Bồ-đề, tâm mình như đài gương sáng. Đài gương sáng nhưng nếu để bụi phủ thì nó sẽ tối, sẽ mờ nên phải luôn luôn lau chùi thì nó mới được sạch mãi, sáng mãi. Bài kệ này với người thường như chúng ta thấy rất là hay, gần gũi để chúng ta tu hành. Bởi vì nơi tâm chúng ta hiện giờ mù mịt u tối là tại cái gì ? Tại vì những bụi nhơ phiền não xấu xa hay là vọng tưởng cứ che phủ. Vì vậy mà ta phải lau phải chùi luôn, nó mới sáng. Như vậy với bài kệ này chúng ta thấy hay rồi. Nhưng với Lục tổ Huệ Năng, khi ấy là một ông cư sĩ già gạo dưới nhà bếp, nghe ông điếu nói có bài kệ trình ở trên thì ông xin lên để xem và nhờ đọc dùm. Khi nghe đọc xong, ông liền làm một bài kệ đối lại với bài kệ đó. Bài kệ của Lục tổ Huệ Năng như sau:

Bồ-đề vốn vô thọ,
Minh cảnh diệt phi đài,
Bản lai vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai.

Tạm dịch:

Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi nhơ.

Qua bốn câu kệ đó, chúng ta thấy Ngài phải hết, phải sạch tất cả cái gì của ngài Thần Tú. Ngài Thần Tú nói thân là cây Bồ-đề thì Ngài nói Bồ-đề không có cây. Thân như cây Bồ-đề là cả một hình thức. Thân là một hình thức, cây Bồ-đề là một hình thức. Tâm là đài gương sáng, thì tâm giống như cái gương để trên đài. Cái gương và cái đài là hình thức. Với Lục tổ thì Ngài nói gương sáng không cần đài. Tại sao vậy ? Bởi vì gương sáng là tự nó sáng, chớ đâu phải để trên đài cao nó mới sáng. Chúng ta thấy lối diễn đạt của Lục tổ, Ngài không chấp nhận những hình thức mà chỉ thẳng tâm thể. Tâm thể tự trong sáng, chớ không phải có cái đài nó mới sáng. Qua hai câu trên, Ngài chỉ rõ Bồ-đề là tánh giác. Tánh giác không có hình thức là cây. Gương sáng là chỉ cho tâm. Tâm trong sạch cũng không phải là đài. Như vậy tánh giác và tâm thanh tịnh của mình không có hình không có tướng. Với ngài Thần Tú, Ngài vẽ thành hình tướng. Bởi hình tướng cho nên Ngài mắc kẹt.

Đến câu thứ ba, “bản lai vô nhất vật” là xưa nay

không một vật, “hà xứ nhạ trần ai” chỗ nào dính bụi nhơ. Nếu tâm mình, Bồ-đề của mình là một vật có hình có tướng thì nó mới dính bụi, bị những thứ nhơ nhớp dính vào lấp vào, cho nên mờ tối. Nhưng sự thực tâm thể của mình xưa nay không một vật. Nếu là vật thì không phải tâm thể. Mà tâm thể thì không phải vật. Cho nên Ngài nói xưa nay không một vật. Không một vật thì chỗ nào dính bụi bặm được.

Sở dĩ chúng ta nói tâm của mình nhơ, tâm của mình nhiễm. Nó nhơ nó nhiễm là cái tâm thanh tịnh hay cái tâm đang theo cảnh trần. Sở dĩ nhơ nhiễm là tại vì chúng ta dùng cái tâm sanh diệt chạy theo trần cảnh nên mới nhơ, mới nhiễm. Chớ tâm chân thật không có hình tướng, làm gì có nhơ, làm gì có nhiễm. Hằng ngày chúng ta chỉ sống với tâm sanh diệt, chỉ sống với tâm đối đãi phân biệt. Đó là tâm hư ảo mà chúng ta cho là tâm mình, cho là tâm thật. Vì vậy mà nó bị nhơ bị nhiễm. Hay nói như ngài Thần Tú là nó bị bụi bặm dính. Chúng ta nhận sâu thấy rõ được tâm chân thật tức là thể tánh bất sanh bất diệt của mình, thì cái đó không có gì làm nhơ, không có gì làm nhiễm được hết. Vì vậy Lục tổ nói “bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”, tức là xưa nay không một vật thì chỗ nào dính bụi nhơ được. Có vật thì mới dính, không vật thì làm sao dính.

Như vậy Lục tổ nhìn tận tường cái tâm thể thanh tịnh không sanh diệt, cho nên Ngài nói rõ nó không một vật, không dính bụi bặm. Còn ngài Thần Tú chỉ trên phương diện tu hành, còn mắc kẹt trong tâm đối đãi có hình có tướng nên bị bụi dính, cần phải lau chùi.

Lục tổ trình bày ý của Ngài tận tường như vậy nên Ngũ tổ nhìn thấy bài kệ, Ngài biết người này đã đạt đạo. Cho nên Ngài thăm truyền y bát cho Lục tổ. Vì vậy nói tới Lục tổ là nói tới con người nhận chân được cái thể bất sanh bất diệt của chính mình. Nên có lần dạy chúng, Ngài nói: “Phật dạy tất cả pháp để trị tất cả tâm. Ta không tất cả tâm, đâu cần tất cả pháp”. Nghĩa là Phật dạy mỗi pháp môn tu là để trị tâm bệnh cho chúng sanh. Chúng sanh có tâm bệnh mới cần pháp Phật để trị. Với Ngài, tâm bệnh đã hết sạch thì đâu cần pháp của Phật nữa. Như vậy để thấy cái tâm sanh diệt nơi Ngài đã lặng, chỉ còn tâm thể bất sanh bất diệt. Lúc đó pháp của Phật đối với Ngài không cần thiết. Bởi vì pháp Phật là phương thuốc trị tâm bệnh. Cũng như thế gian có những thứ thuốc trị thân bệnh. Thân chúng ta bệnh cần thuốc trị. Nếu thân không bệnh có cần thuốc không ? Thuốc cũng thừa. Cho nên chỗ đó là chỗ hết sức thiết yếu.

Cái “bản lai vô nhất vật” này là cái gì ? Đó là một lối nói khác của cái thể chân không. Thể chân không là bản lai vô nhất vật của Lục tổ thấy ngày xưa. Chính vì Lục tổ nhận ra bản lai vô nhất vật mà Ngài

tu giải thoát sanh tử. Bây giờ chúng ta nhận, chúng ta biết nơi mình có cái thể chân không, bản lai vô nhất vật. Đó là chỗ để chúng ta giải thoát sanh tử, không còn bị trôi buộc, không còn bị sanh diệt nữa. Tôi dẫn bài kệ của Lục tổ để cho quý vị thấy ý nghĩa chân không.

Bây giờ đi xa hơn là một Thiền sư Việt Nam, Thiền sư Chân Nguyên ở đầu thế kỷ mười tám, Ngài có làm bài kệ:

Pháp tánh Như Lai vô nhất vật,
 Ứng độ quần sanh hữu bách ban,
 Nhược ngộ chân không hằng địch diện,
 Như Lai thường trụ tại Linh Sơn.

Tạm dịch:

Pháp tánh Như Lai không một vật,
 Ứng độ quần sanh việc cả trăm,
 Nếu ngộ chân không luôn đối mặt,
 Như Lai thường trụ ở Linh Sơn.

Chính Thiền sư Chân Nguyên ở đời Lê, ngộ được lý Thiền rồi, Ngài mới viết ra quyển Kiến Tánh Thành Phật, tôi dịch và đã cho in. Ngài nói pháp tánh là không có một vật. Không một vật mà khéo nhận được, khi nhận được pháp tánh tức là Phật tánh. “Ứng độ quần sanh hữu bách ban” nghĩa là ứng theo trình độ của chúng sanh để độ họ thì hiện ra trăm thứ ngàn thứ. Như vậy thì “Pháp tánh Như Lai vô nhất vật” đó là chân không. “Ứng độ quần sanh hữu bách ban” là diệu hữu. Chân không chúng ta đạt được rồi thì mới có diệu dụng là diệu hữu. “Nhược ngộ chân không hằng địch diện” tức là nếu ngộ chân không luôn ở trước mặt. “Như Lai thường trụ tại Linh Sơn” thì đức Phật thường còn ở trên hội Linh Sơn chứ Ngài không có tịch. Ở trên hội Linh Sơn là đức Phật Thích Ca. Còn đức Phật của mỗi người chúng ta ở đâu? Ở hội nào? Đức Phật Thích Ca không sanh không diệt có mặt mãi trên hội Linh Sơn. Nếu chúng ta nhận được thể chân không thì đức Như Lai chân thật của mình thường ở tại hội nào? Hội Chân Không hay hội Thường Chiếu?

Như vậy quý vị mới thấy lẽ thực của nó, giá trị của nó đối với chư Tổ khi nhận thấy rồi thì biết rõ ràng. Tất cả chúng ta khi nhận được cái chân không không sanh không diệt thì nó hằng hữu ở trước mắt chứ không đâu xa. Mà không bao giờ cái đó bị sanh bị diệt. Như vậy quý vị đã thấy tổ Huệ Năng, Ngài nói bản lai vô nhất vật thì ở đây tổ Chân Nguyên ở Việt Nam cũng lặp lại bản lai vô nhất vật và chỉ thẳng cho chúng ta thấy nếu chúng ta nhận được rồi thì Phật ở thường trực nơi chúng ta, trước

mắt chúng ta chứ không đâu xa hết.

Ở trên tôi dẫn hai vị Tổ.

Bây giờ đến vị Tổ thứ ba là Thiền sư Minh Chánh đầu thế kỷ mười chín, tức là sau ngài Chân Nguyên một thế kỷ. Ngài xuất hiện vào triều Nguyễn. Ngài là một Thiền sư thuộc tông Tào Động ở Việt Nam. Đọc sử, Ngài thấy sự việc xảy ra cuối đời đức Phật, tức là khi Phật sắp Niết-bàn, Ngài thọ trai ở nhà ông Thuần Đà. Thuần Đà là một người thợ săn, nói theo Bắc tông thì ông nhỏ được một số nắm chiên đàn, quý lắm. Nghe đức Phật đi đến, ông bèn nấu cơm và làm nắm này cúng dường Phật. Khi cúng dường, Phật thọ trai dùng nắm đó nhưng Phật cấm không cho chư Tăng dùng. Điều này khiến người ta ngạc nhiên, Phật dùng mà không cho chư Tăng dùng.

Đây là nói theo Bắc tông. Còn theo Nam tông thì nói thế này, ông săn được con heo rừng. Ông làm thịt cúng dường Phật, Phật nhận thức ăn này nên bị bệnh kiết. Hai thuyết đó, tôi không biết ai đúng, chỉ nghe sao nói vậy. Nhưng biết rằng đây là bữa cơm cuối cùng của đức Phật Thích Ca. Sau bữa cơm đó Ngài bị bệnh kiết, rồi Ngài đi tới Sa La Song Thọ nằm dưới hai cội cây thị tịch. Trước khi tịch, Phật bảo chúng Tăng: - Người cúng dường cho ta được phước đức lớn, một là khi ta thành đạo có mục nữ (chăn bò) cúng cho một chén sữa. Đó là người có công đức rất lớn. Hai là Thuần Đà. Khi Phật sắp Niết-bàn, cúng bữa cơm chót. Hai người đó có công đức rất lớn. Thế mà chư Tăng không chịu. Chư Tăng cứ nguyên rửa tại ông Thuần Đà cúng bữa cơm đó có những thứ độc để Phật ăn, Phật bị bệnh kiết rồi tịch. Như vậy ông giết Phật.

Chúng ta thấy Phật thì khen, mà chúng Tăng lại chê. Vì vậy Thiền sư Minh Chánh đọc chuyện này rồi, Ngài cảm hứng làm một bài tụng để nêu ra theo nhận xét của Ngài. Tụng rằng:

Hay lắm Thuần Đà, hay lắm Thuần Đà !

Không nói ngắn, chẳng nói dài,

Ngắn dài, tốt xấu thầy đều sai.

Tìm hay lại hóa người chê vụng,

Bắn sẻ ai dè sói chực ngay.

Công danh cái thể màn sương sớm,

Phú quý kinh nhân giấc mộng dài.

Chẳng hiểu bản lai vô nhất vật,

Công lao uổng phí một đời ai !

Bài tụng này, Ngài viết bằng chữ Nôm cho nên khỏi dịch. Tại sao Ngài nói “Hay lắm Thuần Đà, hay lắm Thuần Đà !” Bởi vì câu chuyện Thuần Đà là cái

manh mối tranh cãi giữa đại chúng. Nhưng thực tình việc tranh cãi đó không có gì là lẽ thực hết. Cho nên Ngài tán thán ông Thuần Đà. Bây giờ Ngài mới giải thích việc tranh cãi là vô nghĩa.

“Không nói ngắn, chẳng nói dài. Ngắn dài, tốt xấu thầy đều sai.” Nói ông cũng là có tội hay ông cũng là có phước v.v... đó là một lối tranh luận. Cũng như thế gian nói cái này dài, nói cái kia ngắn. Thì chữ ngắn chữ dài có giá trị cố định hay không? Nếu cây dài một thước rưỡi để dưới đất, chúng ta nhìn thấy cây này dài. Nếu đem cây ba thước để cạnh nó thì nó thành ngắn. Như vậy dài đó là cái giả danh. Khi có một cái dài hơn nữa thì cái dài đó trở thành ngắn mất. Cây ba thước nếu để gần cây sáu thước thì cây sáu thước dài, cây ba thước ngắn. Cứ vậy mà chồng lên chồng lên hoài, cái dài cái ngắn đổi thay, không có cái gì cố định hết. Cái dài cái ngắn đã không cố định thì cái tốt cái xấu có cố định không? Thí dụ như không có bình hoa nào thì người ta thấy bình hoa trang là đẹp. Nhưng nếu có bình hoa nào đặc biệt hơn thì hoa trang còn đẹp không? Nó hết đẹp rồi. Như vậy cứ tăng lên, cái đẹp này nếu gần cái đẹp hơn thì nó trở thành xấu. Đem cái khác đẹp hơn để gần thì cái đẹp thứ hai trở thành xấu. Cứ vậy chồng lên hoài, cái đẹp không có gì cố định hết. Thế mà chúng ta cãi với nhau. Cái gì mình nói đẹp mà ai nói xấu thì mình giận, không chịu. Cái gì mình nói dài, ai nói ngắn mình không chịu. Như vậy thì cái chấp dài, cái chấp ngắn không thật. Nên ý nghĩa dài ngắn tốt xấu không có cố định. Nó chỉ là đối đãi, tạm có, tạm nói chứ không thật. Từ nghĩa dài ngắn tốt xấu đã không thật rồi, thì tất cả các đối đãi khác có thật không, có cố định được không? Hẳn là không.

Cho nên Ngài nói thêm: “Tìm hay lại hóa người chê vụng, bắn sê ai dè sói chực ngay”. Mình muốn cố làm cho hay, làm cho đẹp. Vì cố làm nên vô tình biến thành vụng. Muốn làm khéo mà lại trở thành vụng, chớ không được khéo. Bởi vì cái khéo cái vụng cũng là tương đối, làm sao cố định được.

“Bắn sê ai dè sói chực ngay”, mình thấy con chim đậu trên cành bắn nó rơi xuống để có mồi ăn. Thì vừa rơi xuống, chó sói nó chụp, tha mất. Chính cái được là bắn chim rớt. Nhưng rớt xuống rồi bị chó tha mất, vậy có được không? Mới thấy được rồi liền mất. Như vậy mới thấy hay liền dở, thấy được liền mất. Ở đời không có cái gì là cố định, không có cái gì bảo đảm là chân thật hết.

Trên phương diện đối đãi của các pháp thế gian, thì không có cái gì gọi là thực. Là đối đãi thì tạm bợ, giả dối, không có thực. Cho nên: “Công danh cái thế màn sương sớm, phú quý kinh nhân giấc mộng dài”. Hai câu này nghe xót xa làm sao!

“Công danh cái thế” tức là công danh vượt hơn tất cả người đời, chẳng qua là màn sương sớm thôi. Nghĩa là một lúc nào đó chúng ta được nó, rồi một thời gian nó cũng tan biến hết, không còn. “Phú quý kinh nhân giấc mộng dài”, giàu sang nghe tới người ta phải giựt mình, phải hoảng hốt, nhưng cũng là một giấc mộng dài thôi. Hai câu này là hai câu Ngài cảnh tỉnh người đời. Tất cả cái dài ngắn, tốt xấu, được mất, hay dở đều là đối đãi, đều là tạm bợ thì công danh phú quý cũng là tạm bợ thôi. Công danh tốt cùng cũng chỉ là màn sương sớm. Phú quý người nghe phải giựt mình cũng là một giấc mộng dài. Như vậy còn cái gì để tham, còn cái gì để theo đuổi. Đó, để cảnh tỉnh những ai đang cặm cụi, đang dính mắc trong đám công danh, trên mỗi phú quý hãy sớm thức tỉnh. Nó chỉ là giấc mộng, là màn sương sớm, không có gì thật để chúng ta phải dính, không có gì thật để chúng ta dồn hết sức trong đời mình rồi phải bị mất, chớ không được gì.

Đến phần người tu: “Chẳng hiểu bản lai vô nhất vật, công lao uổng phí một đời ai”. Quý vị thấy đời ai? Nếu tu cầu giải thoát sanh tử mà không nhận ra cái bản lai vô nhất vật, nghĩa là không nhận ra được cái thể chân không thì dụng công cách này, dụng công cách nọ, rất cuộc rồi chỉ là uổng phí một đời, không tới đâu hết. Bởi vì tu là để giải thoát sanh tử, mà không nhận được cái thể bất sanh bất diệt thì làm sao giải thoát sanh tử. Mà không giải thoát sanh tử thì mục đích của người tu đạt được cái gì? Như vậy thì bao nhiêu công lao, bao nhiêu sức lực, dụng công tu hành mà không đạt được chân không hay là bản lai vô nhất vật thì uổng phí đi một cuộc đời. Đáng tiếc! Đọc câu này tôi rất xót xa cho người tu. Tu một đời mà không nhận được cái thể chân thật thì uổng phí, đáng tiếc biết bao!

Kết luận bốn câu cuối của bài thơ, Ngài cảnh tỉnh hai hạng người: Hạng người thế tục đang đắm đuối, đang mê man trên bã công danh, trên mỗi phú quý phải tỉnh phải thấy nó chỉ là màn sương, nó chỉ là một giấc mộng, không có gì thật đáng để cho chúng ta phải đem hết cuộc đời chôn vùi trong đó. Hai câu sau cảnh tỉnh những người tu xuất gia mà không nhận được cái thể chân không, mãi đuổi theo tất cả tướng sanh diệt, rất cuộc rồi dù dùng bao nhiêu công, bao nhiêu sức chỉ là uổng phí một đời, không ra gì. Đó là lời nhắc nhở hết sức chân thật, hết sức nhiệt tình.

Chúng ta là người tu từ cư sĩ đến xuất gia đọc bài này, chắc rằng ai ai cũng phải tỉnh, cũng phải giác, đừng đắm mê những đối đãi, dù nó đẹp, dù nó được người ta tán tụng ngợi khen, cũng chỉ là cái tạm bợ, hư dối thôi không có gì chân thật.

Để kết thúc hai chữ chân không, tôi đặt tên Thiền viện này, là hiện thân của câu bản lai vô nhất vật của Lục tổ, chớ không có gì lạ. Mà bản lai vô nhất

vật tức là thể tánh chân không. Vì vậy khi thấy được chỗ này rồi, tôi liền đặt nó một cái tên để chúng ta nhìn, chúng ta nghe đều nhớ đều nhắc lại cái mục đích tối hậu của mình. Chớ không thì chúng ta tu hoặc là để cầu phước hoặc là để cầu tuệ, mà phước tuệ đơn giản chưa tới chỗ cuối cùng. Phải thấy được thể chân không bất sanh bất diệt này thì mới xứng đáng một đời tu của mình.

Thiền viện Chân Không ra đời, đó là mục đích mà tôi đã nhắm từ khi thành lập nó. Nó là mục đích của chúng tôi nhắm, cho nên qua Thường Chiếu qua Trúc Lâm thì nó là cái gì? Ở đây là cái thể mà Thường Chiếu, Trúc Lâm là cái dụng. Từ cái thể này được rồi thì những dụng kia mới thành. Nếu không có thể này thì những dụng kia cũng khó mà đạt được. Như vậy tất cả các tên tôi đặt cho Thiền viện là một ý thức cụ thể trên đường tu trong chỗ thấy của tôi, chớ không phải tùy hứng cũng không phải bắt chước. Tôi thấy cái cần, cái cuối cùng trên đời tu thế nào, tôi phải đặt thể ấy để cho tất cả Tăng, Ni ở tại đây ai cũng phải ôm ấp trong lòng mình. Tu thế nào cho được giải thoát sanh tử, tu thế nào cho thấy được bản lai diện mục hay bản lai vô nhất vật. Như vậy mới xứng đáng công phu tu của mình. Còn mọi việc được mất khen chê hay dở tốt xấu, chỉ là trò chơi, chỉ là cái bóng, không có gì đáng quan trọng. Cái quan trọng tối thượng của mình là đến chỗ chân không.

Vậy thì chân không là mục đích tôi đã nhắm từ buổi ban đầu. Đến nay, tất cả người tu trong các Thiền viện cũng như những Phật tử đã cùng đi một đường theo chúng tôi, chúng ta phải nhớ mục đích này, đừng bao giờ để sai chạy, đừng bao giờ để lạc lối. Như vậy mới đúng ý nghĩa là người tu theo Phật giải thoát sanh tử luân hồi. Vì đó là gốc, chúng ta phải đạt cho được. Chớ đừng tìm, đừng kiếm cái gì khác lạ ở bên ngoài. Như thế thì không xứng đáng, không đúng với ý nghĩa chân thật của chúng ta hy sinh tu hành và mục tiêu chúng ta đã nhắm đến.

Đó là lời giải thích của chúng tôi bằng hai chữ chân không. Mong tất cả Tăng, Ni và Phật tử biết rõ để ứng dụng tu cho đạt được mục đích đó mới xứng công mình, mới đáng con nhà họ Thích. Đây là chỗ mong mỏi, trông đợi của tôi.

HOÀI BẢO CỦA TÔI

Giảng tại Thiền viện Thường Chiếu - Xuân Canh Thìn (06-02-2000).

Cùng tất cả Tăng Ni,

Hôm nay là ngày Tết Nguyên Đán năm Canh Thìn, tôi về đây được Tăng, Ni tụ hội tại Tổ đường này để làm lễ Khánh Tuế, đồng thời cũng yêu cầu tôi có

những lời nhắc nhở trong ngày đầu năm, quý vị nương đó tinh tấn tu hành, chóng đạt được đạo quả. Tôi nhận lời và sẽ có những điều nói lên cho quý vị nhận ra, hiểu rõ để ứng dụng tu.

Năm này đối với tôi thì tuổi đã khá cao, sự sống của tôi còn được lúc nào thì mừng lúc ấy, chớ không có gì bảo đảm lâu dài. Bởi vậy những gì tôi đã ấp ủ từ lâu, mong muốn thực hiện thì ngày nay tôi sẽ nói rõ ra cho tất cả Tăng, Ni nhận hiểu. Mai kia nếu quý vị thấy được đạo lý chân thật và tinh tấn tu hành, có hiệu quả thì quý vị cố gắng thực hiện những gì tôi đang ôm ấp và chỉ dạy cho quý vị hôm nay. Vì vậy buổi nói chuyện này, tôi để tên là “Hoài bảo của tôi”.

Hoài bảo của tôi tức là những nỗi ấp ủ, trông chờ, mong đợi, thực hiện cho được. Những điều đó tôi ôm ấp đã lâu rồi, nhưng chưa có cơ hội để trình bày rõ ràng cho Tăng, Ni thấy biết và hiểu rõ.

Nói tới “Hoài bảo của tôi” thì tất cả ai cũng lạ, nghĩ đó là cái gì quý vị chưa từng nghe, chưa từng biết. Nhưng thật sự hoài bảo tôi đã trưng bày cho tất cả thấy, tất cả biết rồi, nhưng chưa hiểu được thâm ý của tôi. Như vậy, khi nói tới hoài bảo thì tôi liền đặt ra một câu hỏi để quý vị nhớ. Tại sao tôi đặt tên Thiền viện này là Thiền viện Thường Chiếu? Nếu quý vị hiểu được tên Thiền viện Thường Chiếu tức là quý vị cảm thông được hoài bảo của tôi.

Chữ Thường Chiếu, tôi thường hay nói có hai ý. Ý thứ nhất là đứng về phương diện lịch sử. Thường Chiếu là hiệu, tên của một Thiền sư cuối đời Lý. Thiền sư này ở tại chùa Lục Tổ, tức là Ngài chịu ảnh hưởng hay là Ngài được kế thừa hệ phái Vô Ngôn Thông. Nhưng chùa Lục Tổ lại là chùa của hệ Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Như vậy trong đời Ngài hai hệ phái Thiền truyền trên đất nước Việt Nam là hệ Tỳ Ni Đa Lưu Chi và hệ Vô Ngôn Thông tới đây đã hòa hội thành một. Chỗ của Ngài ở, Ngài truyền bá chính là nơi hòa hội. Cho nên tôi thấy danh hiệu của Ngài xứng đáng kế thừa hay xứng đáng hòa hội hay kết hợp những phái Thiền Việt Nam trở thành một, để lưu truyền sau này. Đó là nói về ý nghĩa của lịch sử. Nhưng đây chỉ là phần nhỏ, chưa phải là hoài bảo của tôi.

Hoài bảo của tôi thì nằm ngay hai chữ Thường Chiếu. Thường là luôn luôn là mãi mãi. Chiếu là soi sáng. Luôn luôn mãi mãi soi sáng, đó là Thường Chiếu. Khi thành lập Thiền viện Thường Chiếu đồng thời có Thiền viện Viên Chiếu. Lúc đó, hai Thiền viện ra đời trước ở vùng này. Tôi đặt bên Ni là Viên Chiếu, cũng mang hai ý nghĩa. Một là tên một Thiền sư đời Lý và một ý nghĩa khác nữa, Viên là tròn, Chiếu là soi sáng. Thường Chiếu là đứng về mặt thời gian, chiếu mãi, soi sáng mãi, không ngừng, không đứt đoạn. Đó là ý nghĩa Thường

Chiếu. Đứng về chiều thời gian, nó liên tục cho tới không biết đâu là cùng. Đó là Thường. Nhưng nếu thường như vậy, có thể bị khu biệt trong một khu vực nào, một ngôi chùa nào miễn thường là được. Cho nên tôi đòi hỏi thêm một điều nữa là phải viên. Viên là tròn. Tròn tức là đứng về mặt không gian trùm khắp. Như vậy thì Thường Chiếu là mãi mãi lâu dài. Viên Chiếu tức là trùm khắp hết. Đứng về mặt thời gian thì mãi mãi không cùng, đứng về mặt không gian thì bao trùm không thiếu.

Như vậy thì nguyện vọng, tâm tư của tôi có thể là tham. Tôi muốn Phật pháp hay là con đường của Thiền tông, ngọn đuốc của nhà Thiền sẽ soi sáng, soi sáng mãi không dừng, không tắt. Chẳng những soi sáng một nơi mà soi sáng trùm hết. Đó là mong đợi, là ấp ủ trong lòng tôi. Ngày nay Thường Chiếu đã thành hình, Viên Chiếu cũng thành hình cộng thêm ba Chiếu nữa cũng thành hình. Những nơi tôi dùng từ "Chiếu" ở sau là đều nói lên ý nghĩa soi sáng.

Quý vị mới thấy tâm tư tôi ấp ủ, mong mỗi một ngày này. Hiện tại tôi làm được bao nhiêu cũng như tôi thắp một ngọn đuốc. Từ ngọn đuốc đó, đứng về hai mặt: Chiều dài thì ngọn này sắp tắt, ngọn khác nối tiếp theo. Ngọn khác tắt thì ngọn sau nối tiếp theo, mãi mãi không cùng không tận. Đó là thường. Nhưng chỉ một ngọn này tắt tiếp một ngọn khác thì chỉ là chiếu ở một khu vực nhỏ thôi. Mà tôi không muốn như vậy, tôi muốn làm sao một ngọn đuốc được mỗi với mười ngọn đuốc, hai mươi ngọn đuốc. Rồi mười ngọn, hai mươi ngọn sẽ mỗi được ba bốn chục ngọn. Rồi mãi mãi từ một khu vực nhỏ lan dần lan dần cho tới khắp nơi, chỗ nào, chốn nào cũng sáng hết. Đó là hoài bão của tôi. Quý vị thấy có tham không? Nếu tham cho tôi thì tham, nhưng tham cho quần chúng, tham cho mọi người chắc không phải là tham.

Tại sao tôi lại đặt nặng chữ "Chiếu" như vậy. Đây tôi giải thích cho quý vị thấy tường tận. Bởi vì trong kinh Phật đã dạy: "Các người phải tự thắp đuốc lên mà đi, thắp lên với chánh pháp". Phật dạy, mọi người chúng ta phải thắp sáng ngọn đuốc của mình lên. Nhưng ngọn đuốc mình phải mỗi ở đâu mới sáng, mới cháy. Mỗi với chánh pháp của Phật, chánh pháp của Phật là những ngọn đuốc đang cháy. Chúng ta muốn ngọn đuốc mình sáng thì phải mỗi từ chánh pháp, nó sẽ sáng. Đó là lời Phật dạy trong kinh. Còn chư Tổ, chư Tổ nhà Thiền thì luôn luôn dùng từ chuyên môn là "Truyền đăng tục diệm". Truyền đăng tức là trao đèn, tục diệm là nối đuốc. Chư Tổ dạy chúng ta phải trao đèn, phải nối đuốc để cho ánh sáng liên tục không dừng. Như vậy thì từ đức Phật Ngài đề cập tới thắp đuốc lên mà đi. Chư Tổ cũng luôn luôn dạy chúng ta phải tiếp nối,

phải trao truyền bằng những ngọn đèn, những cây đuốc để hướng dẫn người sau.

Tại sao đạo Phật lại đặt nặng cây đèn ngọn đuốc. Bởi vì nói tới đạo Phật, nói tới đức Phật thì chúng ta phải hiểu ngay Phật là giác ngộ. Đức Phật là một con người đã được giác ngộ. Đạo Phật là phương pháp dạy chúng ta giác ngộ, hay là một con đường đưa chúng ta đến chỗ giác ngộ. Mà giác ngộ là sáng. Nói tới giác ngộ là nói tới sáng suốt. Như vậy giác ngộ chỉ được tượng trưng bằng những ánh sáng của đèn, ánh sáng của đuốc và luôn ánh sáng của mặt trời mặt trăng.

Nói tới giác ngộ là nói tới trí tuệ, nói tới ánh sáng. Như vậy thì chúng ta truyền bá đạo Phật là truyền bá sự giác ngộ, truyền bá trí tuệ, chứ chúng ta không bao giờ truyền bá những cái mờ tối, những cái âm u được. Đạo Phật là giác ngộ, là trí tuệ, cho nên được tượng trưng bằng đèn bằng đuốc. Nếu không có giác ngộ, không có trí tuệ là không có đạo Phật. Vì thế quý vị thấy cái hệ trọng của người tu Phật như thế nào? Chúng ta tu phải có giác ngộ. Chúng ta phải mở sáng con mắt trí tuệ. Có trí tuệ rồi thì chúng ta mới chỉ, mới dạy lại những người khác mở sáng con mắt trí tuệ được. Nếu chúng ta mù tối mà dạy người được sáng thì không có chuyện đó. Chúng ta trong tay không có một cây đuốc mà muốn đốt đuốc để dắt dẫn người khác đi ra khỏi đường mê, được không? Muốn dẫn người ta ra khỏi chỗ tối tăm mù mịt thì trong tay mình phải có sẵn một ngọn đuốc sáng. Mình có đuốc sáng thì mới dìu dắt người ra khỏi chỗ u tối được.

Như vậy tu theo đạo Phật mà không đặt nặng vấn đề giác ngộ, không đặt nặng mở sáng con mắt trí tuệ, thì chưa phải đạo Phật. Ý nghĩa rõ ràng như vậy. Nhưng gần đây chúng ta thấy người tu hơi lơ là, không đặt nặng trí tuệ. Bởi không đặt nặng trí tuệ nên chúng ta càng tu càng đi xa với đạo. Đó là vì chúng ta không nhắm đúng trọng tâm mà Phật đã nhắm. Đức Phật đi tu, thành Phật là do giác ngộ. Từ giác ngộ Ngài mới đi truyền đạo, nếu Ngài không giác ngộ thì không có đạo Phật. Nói tới đạo Phật mà không nói tới giác ngộ là một thiếu sót lớn. Cho nên chúng ta phải thấy rõ trách nhiệm của mình là làm sao để cầm được ngọn đuốc sáng trong tay, để dẫn người từ những chỗ mê lầm ra chỗ tỉnh giác, từ chỗ tối tăm đến chỗ được sáng suốt. Đó mới là bổn phận của mình. Nếu làm cái gì khác chỉ là việc phụ, chứ không phải là cái chánh.

Quý vị thấy người học Phật, người tu Phật phải là người sáng, người giác chứ không có mê. Vì vậy nên cây đuốc, ngọn đèn là điều cần thiết. Nhưng ở đây, tôi dùng chữ "Chiếu" là soi sáng. Lấy cái gì để soi sáng? Tức phải thắp đèn, phải mỗi đuốc. Thắp đèn mỗi đuốc mới có thể soi sáng được. Đó là trọng tâm. Bởi vì tất cả chúng ta đã nguyện trọn đời

tu để được thành Phật. Thành Phật tức là được giác ngộ viên mãn. Nếu trong khi tu một năm, hai năm, ba năm tới năm, mười năm mà không giác ngộ tí nào hết. Như vậy là tu theo Phật đúng với sở nguyện của mình hay là đi đường nào ? Đó là câu hỏi mà tất cả quý vị phải tự đặt ra.

Nếu càng tu càng mù mịt, càng tu càng không biết được cái gì là gốc của sự giác ngộ hết thì chưa phải là mình theo Phật. Dù thờ Phật, lạy Phật, cúng Phật hằng ngày mà ở trong mê muội thì chưa phải là tu theo Phật. Vì mình đâu có sáng, mà không sáng thì làm sao soi sáng được cho người. Cho nên đối tượng của sự chiếu soi là mê lầm. Cũng như đối tượng của ngọn đèn, cây đuốc là bóng tối. Sở dĩ chúng ta mỗi đèn, thấp đuốc là vì tối. Do tối mới mỗi đèn mới thấp đuốc. Chúng ta vì muốn phá cái tối tăm mê muội nên mới thấp đèn đốt đuốc. Cũng như vậy, vì muốn phá tan cái vô minh mê lầm muôn đời muôn kiếp của con người, cho nên chúng ta mới tu theo Phật để được giác ngộ. Chỉ có giác ngộ, dùng trí tuệ phá tan hết những thứ mê lầm, những cái vô minh. Đó là gốc của sự tu. Biết bao nhiêu người đi tu Phật, họ làm những điều rất tốt, thương người, cứu vật đủ hết. Nhưng thương cứu mà chưa sáng chưa giác, đó cũng là một người mù dẫn một người mù thôi, không đi tới đâu hết. Cho nên chúng ta phải cương quyết tu là phải sáng, là phải giác ngộ. Như vậy thì còn tối tăm hay chỗ nào tối tăm, chúng ta phải thấp đèn, phải đốt đuốc để rọi cho sáng.

Cái tối tăm của thế gian là nhờ đèn nhờ đuốc. Nhưng tối tăm của con người thì phải nhờ gì ? Nhờ trí tuệ, nhờ giác ngộ. Trí tuệ, giác ngộ mới phá tan được cái tối tăm mê lầm của con người. Con người tối tăm mê lầm cái gì, chỗ nào ? Hiện giờ quý vị có mê lầm không ? Đó là một câu hỏi để chúng ta tự gạn tự xét. Chúng ta có phải là người đang mê lầm, đang tối tăm không ? Chắc rằng ít ai dám nói mình là mê lầm, mình là tối tăm. Nhưng thật sự tất cả chúng ta đều là người mê lầm. Không ai chẳng mê lầm cả.

Bây giờ tôi đi thứ tự, trước hết là cái mê lầm trong Phật giáo. Đã nói tu là giác ngộ, mà giác ngộ thì phải thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ, mới được giác ngộ. Trí tuệ có mờ sáng thì sự giác ngộ mới có thể đến được. Trí tuệ mù tối thì không bao giờ giác ngộ được. Như vậy nói tới người tu, lý đáng ít nhiều cũng phải giác, chứ không có mê. Mà giác thì phải trí sáng. Nhưng bây giờ, chúng ta thấy rất đáng thương có nhiều nơi, có nhiều chùa tu chỉ là tin, chứ không có trí. Cúng Phật, Phật ban phước. Lạy Phật được công đức. Làm cái gì cũng nhờ Phật ban phước, nhờ Phật độ cho. Bị tham sân si quấy nhiễu, sống bực bội khổ sở, lên chùa thấp hương cầu nguyện Phật gia hộ cho con hết phiền não. Con

phiền não nhờ Phật gia hộ cho con hết phiền não. Cái gì cũng Phật hết. Mình không có tu, chỉ xin Phật, cầu Phật cho không thôi. Cứ vậy là tu bằng trí tuệ hay là bằng lòng tin. Nếu bằng lòng tin thì không phải là trí. Mà không phải trí thì không có giác. Nếu không giác thì làm sao ? Thậm chí nhiều khi tôi rất buồn, người Phật tử của chúng ta cứ ý lại vào chư Tăng chư Ni. Nếu có bệnh thì nhờ thầy cầu an. Nếu chết thì nhờ thầy cầu siêu. Cứ cúng tiền cho thầy cầu an, cúng tiền cho thầy cầu siêu. Như vậy là hải lòng, cho là tu kỹ rồi đó.

Tôi đặt câu hỏi lại: Nếu Phật tử bệnh, nhờ thầy cầu an, thầy bệnh nhờ ai cầu an ? Chắc nhờ Bác sĩ. Như vậy tại sao Phật tử bệnh không nhờ Bác sĩ cho rồi. Nếu thầy bệnh, thầy tự cầu an được, hoặc là Tăng, Ni có đức cầu cho mình hết thì Phật tử mới bắt chước làm theo. Đàng này thầy bệnh rước Bác sĩ, mà Phật tử bệnh rước thầy cầu an, tin được không, làm việc đó có trí tuệ không ? Đó là tôi nói khi sống. Còn lúc chết, nếu cầu được siêu thì chắc ngày xưa đức Phật đi cầu liên miên, phải không ? Vì Ngài độ chúng sanh mà. Nhưng quý vị đọc lịch sử Phật, thấy có đám ma nào đức Phật đi cầu siêu không ? Chưa từng thấy. Phật tử bị đả đố, muốn độ hết chúng sanh mà Phật không cầu. Bây giờ chúng ta từ bị hơn Phật sao, chúng ta cầu. Như vậy mà chúng ta hướng dẫn Phật tử chỉ biết cầu mà không biết tu.

Bởi trong kinh Phật dạy quá rõ. Người tạo nghiệp lành thì sẽ được đến cõi lành. Người tạo nghiệp ác phải đọa vào cõi ác. Chớ không phải người khác cầu cho mà mình được. Chỉ có thể giúp được là khi mình sắp từ trần. Lúc đó, có chư Tăng hoặc chư Ni hướng dẫn nhắc nhở để cho mình tỉnh. Thì điều đó là có ích. Tôi đọc A Hàm, nhớ rất rõ ông cư sĩ được đức Phật khen ngợi là người cúng dường rất thâm hậu cho chư Tăng là ông Cấp Cô Độc. Khi ông gần tịch, có cho người đến báo tin với Phật. Ông dặn người báo tin xin Phật cho phép ngài Xá Lợi Phất tới thăm ông. Phật cho phép ngài Xá Lợi Phất tới thăm. Khi ngài Xá Lợi Phất tới thăm, không có lập đàn cầu an như mình. Ngài Xá Lợi Phất chỉ hỏi:

- Trưởng giả lúc bình thường tu những pháp gì. Trưởng giả có giữ được năm giới không ?

Ông trả lời:

- Con giữ trọn vẹn năm giới.

- Trưởng giả có tu được sáu pháp ? (Sáu pháp tức là bố thí v.v...)

- Dạ, con tu pháp đó được rồi.

Ngài cứ nhắc lại những gì mà ông đã hứa, đã tu cho ông nhớ. Nhớ rồi thì Ngài kết luận: "Như vậy, Trưởng giả đừng ngại. Đó là ông sẽ đi con đường lành, không có gì phải lo sợ hết". Rồi ngài Xá Lợi

Phát ra về, không có tụng bài kinh nào. Chính đó là đạo lý chân thật.

Còn chúng ta bây giờ cứ lo tụng kinh mà không biết cầu được hay không. Ngày xưa, chỉ có trường hợp gần chết, bệnh nặng thì chư Tăng tới nhắc nhở bình thường mình tu pháp gì. Nhắc những điều đó cho nhớ và hỏi lại xem còn có nhớ hay không v.v... Đó là đủ rồi. Như vậy, có phải là lòng tin không hay cũng là trí tuệ ? Bởi vì khi mình nhận những giới pháp của Phật, mình học những bài kinh của Phật, nhắc lại để cho mình nhớ. Đó là mở sáng trí tuệ cho mình. Vì vậy trên đường tu mới dễ thăng tiến. Còn chúng ta không nói gì hết, cứ tụng thôi. Tụng rồi phục nguyện, vậy là xong. Mà đặt nặng là cầu nguyện. Đã nặng về cầu nguyện thì nặng về lòng tin. Mà lòng tin thì không hợp với trí tuệ. Tin thì không có trí. Trí thì không có tin.

Chúng ta tu Phật, dạy Phật tử tu Phật mà không dạy cho họ sáng suốt, không dạy cho họ có trí tuệ cứ nhồi cho họ có lòng tin. Như vậy là trái hẳn với đạo Phật. Đó là mê lầm.

Kế đó là cái mê lầm từ mỗi con người chúng ta. Tất cả chúng ta hiện giờ đang mê lầm hay là đã giác ngộ ? Chắc rằng một trăm phần trăm là nhận mình mê lầm, chưa ai dám nói mình giác ngộ. Mà mình mê lầm cái gì ?

Ở đây, tôi nêu lên thứ tự cho quý vị thấy. Bài pháp đầu tiên của đức Phật dạy tại vườn Lộc Uyển là bài pháp Tứ Diệu Đế. Đế là lẽ thật, là chân lý. Tuy nói Tứ Diệu Đế, nhưng câu hỏi đầu tiên đức Phật đặt ra với các thầy Tỳ kheo lúc đó, hay nhóm ông Kiều Trần Như v.v... là: Tất cả chúng ta có khổ không ? Nhiều người nói sống vui, đâu có khổ. Mà thực tình chúng ta đang khổ. Thế nào là khổ ? Phật kể: sanh, già, bệnh, chết. Bốn cái đó, có ai khỏi không ? Nếu chúng ta quên khi sanh khổ thì bây giờ già đến, già có khổ không ? Trước khi già, mấy cái răng rụng đã khổ rồi, tới đủ thứ yếu đuối, chán mỏi, gỏi dụn... Tất cả thứ không có an ổn. Nên già là khổ. Đến bệnh có khổ không ? Khổ không nghi ngờ. Chết có khổ không ? Như vậy sanh già bệnh chết là cái khổ sẵn của tất cả con người. Dù cho vua chúa cũng phải như vậy, không có ai thoát khỏi những cái khổ đó. Rồi cộng thêm ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, ngũ ấm xí thạnh, chung lại là tám thứ khổ. Có ai thoát khỏi tám thứ đó không ? Như vậy con người là khổ hay là vui ? Con người là khổ. Nhưng mà chúng ta có chấp nhận cái khổ đó không, hay là tìm cách khóa lấp cho quên.

Hiện nay chúng ta có nhiều phương tiện, nếu ở những nơi dễ dễ, sau khi tụng thời kinh rồi xuống, có cái tivi, ngồi mở tivi xem một hồi rồi đi ngủ. Sáng thức dậy làm công kia việc nọ. Hay khuya thức dậy tụng một thời kinh công phu, rồi ra làm ít

công việc. Tối lại rảnh thì mở tivi xem. Như vậy có khổ không ? Cõi đời thứ chuyện vui mắt quá, đâu có khổ. Tại sao người ta bày ra những trò chơi như đá bóng, ca kịch... đủ thứ, để làm gì ? Để cho chúng ta vui chơi mà quên cuộc đời là đau khổ, quên con người là đau khổ. Cũng như người ta chế ra nào là nước hoa này, nước hoa nọ, xà bông này xà bông kia cho thơm, để làm gì ? Tại biết mình hôi quá, khó chịu quá nên chế những thứ đó để khóa lấp bớt mùi hôi của mình, chớ có gì lạ. Không muốn để những cái dở cái xấu của mình lộ ra, nên chế những cái đó. Cũng vậy, cuộc đời là khổ, nếu để mình ngồi suy ngẫm thì thấy khổ quá, sợ mình liễu chết. Cho nên người ta thường hay tìm những cái vui để khóa lấp đi nỗi khổ. Đó là việc làm của thế gian.

Như vậy người ta đã thấy cuộc đời là khổ. Ai cũng thấy như vậy. Nếu không thấy cuộc đời là khổ thì cần gì tạo các thứ vui. Tự nó vui thôi. Thí dụ ngày xưa đọc chuyện Tàu, thấy mấy ông tiên có khổ không ? Mấy ông cỡi hạc bay đi chơi, đánh cờ, uống rượu... thấy mấy ông vui quá. Mấy ông có cần những gì đá bóng, ca cải lương như bây giờ không ? Các ông rất vui rồi đâu có cần mấy cái đó. Sờ dĩ cần mấy cái đó vì cuộc đời là khổ. Hiểu rõ như vậy, chúng ta mới thấy rằng lẽ thực của con người là đau khổ, không chối cãi được. Đó là Khổ đế.

Nhưng nhà Phật có cái nhìn khác. Đức Phật thấy tận nguồn gốc cái khổ từ đâu ra. Cho nên khi nói khổ rồi, ai nấy chấp nhận thì Phật liền đề ra cái khổ đó có nguyên nhân, chớ không phải ngẫu nhiên. Nguyên nhân là gì ? Là Tập đế, tức là nhóm họp những nguyên nhân tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... Các thứ này tụ họp lại, tạo thành quả khổ. Như vậy khổ là quả, mà tập là nguyên nhân tạo thành quả khổ. Đức Phật dạy chúng ta cái gì ? Dạy chúng ta phải mở trí tuệ, quan sát kỹ kiếp người của chúng ta là khổ hay là vui. Mà mình quan sát, mình nhận chân được lẽ thật, là có trí tuệ. Còn mình không chịu quan sát, không chịu tìm kiếm, mình cứ để lòng tin vào đạo thôi thì làm sao có trí tuệ. Trí tuệ là quan sát, là nhận định đúng như thật. Mình thấy đúng như thật, không nghi ngờ nữa, đó là có trí tuệ. Nhưng nếu chỉ biết cái quả khổ mà không tìm ra nguyên nhân thì trí tuệ đó chưa dùng được, chưa hữu ích. Cho nên Phật liền dạy phải nhìn phải xem xét cho tường tận nguyên nhân của nó là cái gì. Thì tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... những thứ đó là gốc, là nhân để tạo thành khổ.

Tôi nói thí dụ, chúng ta tham. Tham có nhiều thứ. Nhưng cái tham gốc mà từ chuyên môn trong nhà Phật gọi là ái ngã. Ái là tham ái. Ái ngã là số một. Tất cả chúng ta có ai không thương mình chớ ?

Chắc trăm người như một đều thương thân này. Thương thân này là ái ngã. Vì thương thân này cho nên nó già thì buồn, nó bệnh thì buồn, nó chết thì sợ. Như vậy cái buồn, cái sợ là khổ. Khổ tại vì sợ mất thân. Nếu mình không thương thân này, coi nó như đồ chơi, như rơm như rạ, như cỏ như rác thì nó còn nó mất, mình có sợ không? Thấy cọng cỏ héo, thấy cọng cỏ khô mình sợ không? Nó là đồ bỏ không đáng sợ.

Chúng ta sờ dĩ khổ đau là vì chúng ta ái ngã, thương thân này quá. Thương thân này thì thân này bị già, bị bệnh, bị chết là chúng ta phải khổ. Nếu chúng ta dứt được ái ngã thì cái khổ còn không? Rồi từ ái ngã, cho thân mình là quý là tốt nên ai xúc phạm tới nó thì nổi sân. Thân mình, mình thương, mình quý nó nên ai khinh, ai chê thì mình tức giận. Như vậy từ ái ngã là tham, rồi tới sân, rồi đủ thứ si mê theo đó.

Chúng ta quan sát được như vậy, thấy tường tận như vậy. Đó là có trí tuệ. Nhờ mình thấp đước trí tuệ soi kỹ biết nguyên nhân dẫn tới đau khổ. Biết nguyên nhân đó rồi, chúng ta dẹp bỏ những nguyên nhân đó thì đau khổ hết. Cho nên cái thứ ba là Diệt đế. Diệt là gì? Là dẹp bỏ nguyên nhân gây khổ. Tham, sân, si, mạn, nghi dẹp sạch rồi thì hết đau khổ. Mà hết đau khổ tức là được quả Niết-bàn hay cũng gọi là Diệt đế. Như vậy từ cái diệt đó chúng ta mới được an ổn. Muốn diệt nó không phải ngẫu nhiên mà diệt được, phải có phương pháp, cho nên Phật chỉ dạy pháp tu là Đạo đế, tức là phương pháp để diệt khổ.

Như vậy bài pháp đầu tiên đức Phật có dạy lòng tin không? Hoàn toàn không. Ngài dạy chúng ta phải quan sát. Quan sát từ hiện tượng thân này để mình kết luận lại nó là đau khổ. Rồi chỉ nguyên nhân đau khổ để chúng ta quan sát kỹ các nguyên nhân ấy. Kể chỉ mình những phương pháp để diệt những nguyên nhân đau khổ. Mà diệt hết nguyên nhân đau khổ thì lúc đó mình được giải thoát hết khổ, gọi là Niết-bàn. Kiểm lại hoàn toàn không có một chút nào gọi là lòng tin mà là trí tuệ.

Tôi ví dụ như chúng ta bệnh. Chúng ta bị sốt rét run rẩy đi mời Bác sĩ hoặc là tới Bác sĩ khám. Bác sĩ biết đây là bệnh rét. Cái run rẩy đó là hiện tượng đau khổ. Nhưng cái run rẩy đó có nguyên nhân. Là gì? Thì bác sĩ phải tra cứu xem bệnh này do loại vi trùng gì. Biết do vi trùng nào làm cho run rẩy. Biết được vi trùng là từ quả phăng tới nhân. Biết được vi trùng là rồi chưa? Biết được vi trùng rồi phải tìm thuốc. Thuốc nào giết được vi trùng đó. Tìm thuốc xong, chỉ bệnh nhân chích hoặc uống. Uống vô mới chết vi trùng. Đó gọi là diệt. Hết vi trùng rồi là mạnh. Mạnh tức là Niết-bàn, là thành thoi.

Đường lối của Phật dạy cụ thể, thực tế làm sao, không có cái gì huyền hoặc, không có cái gì mê tín. Mà chúng ta bây giờ không chịu tu như vậy, không chịu quan sát, không chịu tìm hiểu mà cứ đặt lòng tin. Tin ở Phật ban, tin ở Phật cứu, tin ở Phật độ mà không nghe lời Phật, để quan sát để chiếu soi kỹ, rồi ứng dụng cách Phật dạy để tiêu trừ những thứ mê lầm của mình. Tiêu trừ được mê lầm thì mình mới hết khổ. Chúng ta không chịu làm cái đó thì làm sao hết khổ. Cho nên tu thì thật đông, mà chưa chắc có vị nào hết khổ. Có người tới hỏi thầy tu từ bé đến giờ thầy hết khổ chưa? Ai dám nói tôi hết khổ không, kể cả Tăng, Ni. Nói tôi tu hồi mười tuổi, hai mươi tuổi gì đó, bây giờ đầu đã bạc rồi mà vẫn khổ như thường. Bởi vì mình không biết được nguyên nhân của khổ. Cũng không diệt sạch cái nhân khổ thì quả khổ làm sao hết được.

Cho nên tôi nói tu chúng ta phải nắm cho vững, phải hiểu tường tận cái gì làm cho chúng ta đau khổ. Những nguyên nhân đó chúng ta diệt được rồi thì khổ theo đó mà hết. Quý vị đọc kinh Phật, nhiều khi thấy dường như là bị quan. Phật nói thân này là như chớp, là bất tịnh để phá cái ái ngã. Có chỗ Phật nói thân này như huyền như hóa... như kinh Kim Cang, Bát-nhã v.v... để phá cái ngã. Tất cả những cái đó chỉ dùng trí tuệ quán chiếu thấy rõ nó là chớp nhúa đúng như thật. Thấy rõ nó là duyên hợp tạm bợ đúng như thật. Thấy tường tận như vậy thì mình hết ái ngã. Hết ái ngã thì mọi cái khổ theo đó hết. Như vậy có phải là quán chiếu không? Quán chiếu tức là soi sáng. Soi sáng lại mình, thấy tường tận con người mình. Rồi thấy được nguyên nhân nào làm cho mình phải đau khổ. Thấy tội cùng, đó là mình quán chiếu. Quán chiếu thì trí tuệ mình sáng. Thấy đúng như thật là trí tuệ. Thấy đúng như thật về thân, thấy đúng như thật về tâm là chúng ta có trí tuệ. Còn không chịu quán chiếu mà cứ cầu xin Phật thì làm gì có trí tuệ.

Tôi muốn luôn nhắc nhở cho quý vị biết rõ cách tu của đạo Phật, nên tôi đặt tên Chiếu. Phải soi sáng, đừng có mê làm nữa. Như vậy mà có người nào chịu chiếu chưa? Cũng còn thích xin, chứ chưa có chiếu. Đó là chưa chịu mở sáng con mắt trí tuệ. Chúng ta mê làm về thân, kể đó mê làm về tâm.

Từ ngày tôi tu nhận chân được lẽ thực về tâm của mình thì từ đó tôi mới thấy chúng ta có cái mê làm nặng nề về tâm. Tâm mình là cái gì? Đa số đều nói cái nghĩ suy, hơn thua, phải quấy, tốt xấu v.v... là tâm mình. Nếu cái nghĩ suy, hơn thua, phải quấy, tốt xấu là tâm mình, khi những cái đó vắng mặt, nó không hiện ra thì lúc đó mình hết tâm phải không? Như những phút giây ngồi thiền, không có nghĩ suy, không có hơn thua, phải quấy, lúc đó quý vị không có tâm phải không? Nếu không tâm thì làm sao biết, làm sao thấy được vọng tưởng, làm sao biết

rằng nó đang chạy nhảy. Mà biết mình có vọng tưởng, tâm nó đang chạy nhảy thì còn có một cái gì thâm kín bên trong nữa. Chớ không phải những cái nổi là hơn thua, phải quấy, tốt xấu v.v... Thế mà lâu nay chúng ta chỉ lấy cái nổi, tức là cái tâm phân biệt chia chẻ sự vật tốt xấu, phải quấy, hơn thua v.v... cho đó là tâm mình. Rồi theo đó để tạo nghiệp, cái gì cho là tốt thì giành với nhau. Ai cũng muốn được, đó là tham. Người ta được, mình không được thì giận. Giận là sân. Từ tâm phân biệt hơn thua phải quấy mà tạo thành nghiệp tham, sân, si... đủ thứ. Đã nhiều nghiệp rồi thì cái khổ theo đó cũng vô cùng.

Cho nên Phật dạy chúng ta phải nhìn lại tâm của mình, đừng bị những cái tâm đối đãi, hơn thua, tốt xấu v.v... nó làm chủ. Mà phải buông, phải xả nó để trở về cái chân thật. Khi chúng ta nhận, sống được với cái chân thật thì đó là chúng ta tu. Còn nếu chạy theo cái hơn thua phải quấy thì không bao giờ chúng ta tu được.

Tất cả quý vị ngồi lại, tự kiểm tra mình xem có bị hai cái làm đó không. Một là làm về thân, cho thân là thật, thân là quý, thân là đẹp... Thấy như vậy là do si mê ái ngã của mình mà ra. Từ cái ái ngã sanh ra tham sân si đủ thứ. Bởi vì thương thân này quá cho nên ai đó cho cái gì bổ, chia người này người kia mà không chia cho mình thì buồn liền. Bổ là được sống dai, được mạnh thêm. Mình được cái đó thì mạng sống thêm dài, được mạnh khỏe mà bây giờ không có phần, nên giận tức. Nếu mình thấy thân này là tạm bợ, sống dai chết yếu không quan trọng, quan trọng ở chỗ mê lầm hay là tỉnh giác. Chúng ta tỉnh dầu chết yếu cũng vẫn tốt. Chúng ta mê dầu sống đến muôn tuổi cũng không ra gì. Quý vị phải nhớ chỗ đó. Nhiều khi mình thấy thân quá quan trọng, rồi cứ cho nó sống trong cái không phân biệt, không hiểu biết gì hết mà cũng muốn sống. Sống để làm gì? Chúng ta phải sống là sống hẳn trong trí tuệ. Còn nếu không có trí tuệ, chết là tốt thôi. Bởi vì sống trong mê lầm thì sống bao nhiêu tuổi cũng vô giá trị. Còn dù mình không sống dai, nhưng tỉnh giác thì cũng quý.

Quý vị nhớ Thiền sư Huyền Giác, Ngài sống được bao nhiêu? Sống có bốn mươi mấy tuổi thôi mà tới ngày nay, chúng ta vẫn học với Ngài. Như Chứng Đạo Ca v.v... chúng ta phải học thuộc lòng những câu Ngài nói. Còn những người thường ở thế gian sống cả trăm tuổi mà không có cái gì hay, không có cái gì sáng thì chúng ta có học không? Đó, để thấy giá trị của con người là giá trị giác ngộ, giá trị thức tỉnh, chớ không phải là giá trị mê lầm. Mê lầm dù có mặt ở trên thế gian này bao nhiêu cũng là thường, không có gì quan trọng. Quan trọng là chúng ta được sáng suốt, được trí tuệ. Vì vậy, đạo Phật cốt mở sáng con mắt trí tuệ cho chúng ta.

Tất cả quý vị có thấy mình đang mê lầm không? Nếu còn ái ngã là còn mê lầm. Như vậy mới thấy chúng ta đang ở trong mê lầm. Chúng ta đã tu đã học đã hiểu mà còn ở trong mê lầm, huống nữa là người thế gian. Họ chưa biết tu, chưa biết học mà không mê lầm sao được. Chúng ta ngày nay rán tu rán nghiền ngẫm, chiếu soi lại mình để thức tỉnh. Chúng ta tỉnh rồi thì đã có ngọn đuốc sáng. Từ ngọn đuốc sáng đó chúng ta soi chiếu cho mọi người, để cho ai ai cũng được tỉnh. Nếu tất cả đều tỉnh thì thế gian này có lẽ sẽ giống như cõi Cực Lạc rồi. Không còn ái ngã nữa, cho nên không còn tham, không còn sân, không còn si. Tham sân si không còn thì sống trên thế gian này an vui biết mấy. Chúng ta đâu còn làm khổ nhau.

Ngày nay văn minh tiến bộ, tất cả những nước văn minh trên thế giới, họ làm những chuyện rung trời động đất, nhưng con người có hết khổ không? Tiến chùng nào con người sợ nhiều chùng nấy. Hồi xưa, đánh giặc gặp nhau có gươm có giáo, gặp mặt thì đâm chém. Còn bây giờ ở đâu đó bấm nút là chúng ta nát tan hết. Như vậy bây giờ sợ từng cơn. Thế thì cái tiến bộ của khoa học chưa phải làm cho con người hết khổ. Quý vị thấy ngày nay nhiều tai họa do con người tạo nên không thể lường hết được, đủ thứ, chưa bao giờ an ổn. Cho nên đạo đức dạy chúng ta tu là để dẹp tan tham sân si. Nói nhiều thứ nhưng ba thứ đó là gốc. Con người hết tham sân si là con người hết khổ. Nghèo giàu v.v... không quan trọng, mà quan trọng ở chỗ hết tham sân si. Thế gian chỉ biết làm sao cho giàu, cho hết khổ. Nhưng những nước giàu như Mỹ đã hết khổ chưa?

Như vậy chúng ta thấy gốc đau khổ từ cái mê lầm là si, rồi sanh tham, sanh sân v.v... Cho nên chúng ta thương tất cả chúng sanh, thương tất cả mọi người thì chúng ta phải soi sáng để cho người thức tỉnh, dẹp bỏ được tham sân si. Dẹp bỏ được tham sân si, đó là cứu khổ cho chúng sanh. Còn chúng ta cứ cầu nguyện, cứ xin xỏ thì không cứu khổ được gì hết. Nhiều khi chỉ là trò lừa người thôi, chớ không có thực.

Tôi nói thẳng cái gì nó không phải là lẽ thực thì chúng ta không bao giờ bao che nó. Chúng ta phải thấy, phải biết được lẽ thực. Đó là chúng ta gần với đạo. Chớ chúng ta cứ bao che cái không phải thực để mình có quyền lợi v.v... thì đó là xa với đạo. Vì vậy tôi mong rằng ai đã tu thì phải rán mở sáng trí tuệ mình ra và phải luôn luôn đem trí tuệ đó soi sáng lại cho kẻ khác. Đó mới là tự giác, giác tha.

Quý vị nghĩ làm sao thành Bồ-tát, làm sao thành Phật. Có Bồ-tát nào mê không? Bồ-tát tức là hữu tình giác hay là giác hữu tình. Là một chúng hữu tình được giác ngộ gọi là Bồ-tát, rồi đem sự giác ngộ đó làm giác ngộ cho người khác, đó là giác

hữu tình. Như vậy Bồ-tát là giác. Còn Phật thì sao? Phật thì giác hạnh viên mãn. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Chúng ta tu muốn thành Bồ-tát, muốn thành Phật mà không giác ngộ thì thành được không? Ngày nay có nhiều người làm lẫn, thấy ai đó làm việc bố thí nhiều, cho tiền của nhiều liền nói người đó tu hạnh Bồ-tát. Làm việc thiện là tu hạnh Bồ-tát hay làm cho người ta giác ngộ là tu hạnh Bồ-tát? Rõ ràng trong kinh đã định nghĩa Bồ-tát là hữu tình giác và giác hữu tình. Tức mình là một con người, là một chúng sanh được giác ngộ, gọi là hữu tình giác. Đem sự giác ngộ đó để giáo hóa cho người cùng được giác ngộ là giác hữu tình. Như vậy mới là Bồ-tát. Mình giác rồi thấy người mê mình thương, phải làm sao cho họ cùng giác. Đó là tâm Bồ-tát.

Như vậy ý nghĩa mà tôi dùng chữ Thường Chiếu, Viên Chiếu đây là hạnh gì? Quý vị xét kỹ xem là hạnh tiêu cực yếm thế hay hạnh gì? Mình phải giác, đó là thấp được ngọn đèn sáng. Rồi soi sáng cho người hay là cho người mỗi ánh sáng ấy, đó là chúng ta phá được cái mê làm cho chúng sanh. Mình giác, người cùng giác, đó là tự giác, giác tha.

Mình giác rồi thấy ai mê mình mới thương. Thương mình mới cố tìm cách giúp đỡ cho họ được giác. Hiểu thấu đáo lẽ thật của đạo, chúng ta mới không lầm. Nhiều khi vì không hiểu, chúng ta cứ lầm lẫn. Không một vị nào tu mà không dạy người ta giác ngộ.

Như trong bố thí: tài thí, pháp thí, vô úy thí. Tài thí đi trước là vì kẻ đó đói không có cơm ăn, giảng kinh họ nghe họ không hiểu, họ không chịu nghe. Cho nên tạm dùng tài thí trước để rồi tới pháp thí. Pháp thí là giúp cho người ta tỉnh, người ta giác rồi, chỉ cho họ qua khỏi mọi khổ đau. Đó là vô úy thí. Như vậy tài thí tuy Phật đặt trước nhưng nó không quan trọng bằng pháp thí. Ba môn thí: tài thí, pháp thí, vô úy thí thì pháp thí là trên hết, Phật dạy hết sức rõ.

Người tu mà không giác thì lấy cái gì bố thí cho người. Quý vị mê lầm không chịu sáng, không thấy được lẽ thật của đạo thì quý vị dạy ai. Mình mê thì không thể dạy cho người ta giác được. Cho nên ai đã là người tu thì phải cố gắng, phải làm sao mở trí tuệ của mình cho sáng, nhìn thấy đúng như thật để chỉ dạy cho người. Đó mới là chỗ chân thật.

Qua cái tên Thường Chiếu này, quý vị thấy chỗ ấp ủ của tôi thế nào? Ấp ủ của tôi là muốn quý vị phải tự thấp được lên cho sáng, rồi mỗi ngọn đuốc sáng của mình cho nhiều người. Đem đến nơi này, đem đến nơi kia bủa sáng để cho mọi người đều hết mê lầm. Mọi người hết mê lầm tức là cứu khổ chúng sanh. Ánh sáng đó không chỉ một thời gian ngắn mười năm, hai mươi năm hay là ba bốn mươi năm.

Nói cụ thể hơn, không phải ánh sáng đó chỉ là một ngọn đuốc của tôi, rồi mai kia nó cùn lụn, nó tắt, rồi hết. Mà tôi muốn ngọn đuốc này sẽ tiếp nối người này vừa gần tắt thì có người khác nối. Người khác gần tắt thì có người khác nối tiếp tục vô cùng, để cho thế gian không còn mờ tối nữa. Đó là cái nguyện, cái mong mỏi, sự ấp ủ của tôi.

Chẳng những một nơi mà tất cả nơi đều được chiếu soi như vậy. Được vậy thì cuộc đời sẽ không còn mê tối, chúng sanh sẽ không còn đau khổ nữa. Đó là cái sở nguyện, cái trông chờ mà tôi muốn gửi gắm cho tất cả quý vị. Quý vị có chịu nhận trách nhiệm đó không? Nếu tôi giao, tôi gửi mà quý vị không nhận thì đó là tội lỗi của quý vị. Tất cả chúng ta ai ai cũng có trách nhiệm. Nếu không phải khả năng mình như một ánh mặt trời sáng bủa khắp bầu trời, như mặt trời sáng bủa khắp tất cả thiên hạ thì ít ra cũng là một ngọn đèn, một cây đuốc. Nếu không được ngọn đèn sáng như những ngọn đèn hiện tại chúng ta thấy, ít ra cũng được ngọn đèn cây hay ngọn đèn dầu nhỏ nhỏ vậy. Cũng phải là ngọn đèn. Chớ không đợi phải có đèn điện mới sáng. Đèn điện là ở thành thị, ở thôn quê mình là ngọn đèn dầu, ngọn đèn cây hay là một cụm lửa nhỏ cũng là tốt rồi, mà phải sáng. Bản thân mình phải là ngọn đèn. Nếu mình là một cục đất, mình là một đùm bụi nhùi chưa cháy thì có mỗi cho ai được không?

Do đó ý nghĩa tôi đặt ra từ khi đặt chân lên mảnh đất này, xây dựng ngôi Thiên viện này, tôi đã mơ ước, tôi đã trông đợi ôm ấp hoài bão đó. Từ những ngày ấy cho tới ngày nay, tôi không biết ngọn đèn tôi sẽ tắt lúc nào. Nên mong quý vị hãy cố gắng, phải thấp ngọn đuốc của mình, đốt ngọn đèn của mình lên cho nó cháy, để rồi quý vị tiếp cho tôi. Khi tôi tắt thì những ngọn đèn của quý vị sẽ là những ánh sáng.

Tôi chỉ là một ngọn mà thôi, tới quý vị là trăm ngọn ngàn ngọn, chớ không phải một ngọn như tôi nữa. Như vậy mới đúng ý nghĩa là Thường Chiếu, là Viên Chiếu. Đó là lời nhắc nhở đầu năm, cũng là đặt trách nhiệm cho tất cả quý vị đi đúng đường, làm cho đúng bản phận, đừng để lệch lạc. Đó là sự mong mỏi trông chờ của tôi đối với tất cả Tăng, Ni.

Đến đây tôi nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho tất cả chúng ta đều là những người được “truyền đăng tục diệm” mãi mãi.

NGUYỆN VỌNG CỦA TÔI

Giảng tại Thiền viện Trúc Lâm - Xuân Canh Thìn (05-02-2000).

Hôm nay là ngày Tết Nguyên Đán, ở chùa cũng như ngoài thế gian, dân tộc Việt Nam rất quý trọng ngày Tết Nguyên Đán. Cho nên đầu năm con cháu trong nhà đến chúc mừng cho cha mẹ, ông bà. Năm nay, ở trong chùa cũng thế theo thông lệ chung đó mà có buổi lễ chúc Tết đầu năm do Tăng, Ni và Phật tử tới đây chúc mừng năm mới. Vì vậy buổi lễ này bắt đầu bằng lời chúc Tết của Tăng, Ni và Phật tử. Sau đó chúng tôi mới nhắc nhở, chuẩn bị cho một năm mới được tốt đẹp hơn.

Tăng, Ni đã chúc Tết tôi rồi. Giờ đến phần tôi. Tôi có lời chúc mừng lại mà cũng là lời khuyến khích tu hành. Trong đây tôi có chia ra hai phần:

- Phần thứ nhất là tôi chúc mừng quý vị đầu năm.
- Phần thứ hai là tôi nói nguyện vọng của tôi cho tất cả quý vị nghe, biết để sau này nối tiếp những gì tôi muốn làm, tôi đang làm, quý vị tiếp tục theo.

Trước hết tôi chúc Tết cho Tăng, Ni và toàn thể Phật tử. Tất cả chúng ta là người Việt Nam, sống trên đất nước Việt Nam, tự nhiên chúng ta cũng theo phong tục tập quán của người Việt Nam. Tổ tiên chúng ta ngày xưa rất là quan trọng ngày mồng Một tết. Những người nào tên xấu thì sáng không được đến nhà khách, sợ mang cái không tốt lại cho người ta. Cho nên ai muốn tới nhà thăm thân quyến thì phải tên tốt mới được vào, mới được đón.

Như vậy mới thấy ngày đầu năm người Việt Nam rất là quan trọng. Ở chùa chúng ta lý đáng đã vượt qua khỏi những phong tục tập quán đó. Nhưng cái gì hay của Tổ tiên mình, chúng ta dù tu cũng không thể bỏ qua, trừ những điều gì vô nghĩa thì chúng ta không làm. Vì vậy ở chùa cũng nhân ngày đầu năm chúc mừng nhau. Chúng ta dùng những lời đạo đức để khuyến khích, để sách tấn nhau tu hành. Đó cũng là lợi lạc lớn, để rồi chúng ta nhớ ngày kỷ niệm đầu năm mà cố gắng thực hành, cố gắng ứng dụng cho đời tu được hữu ích.

Tăng, Ni đã chúc mừng năm mới cho tôi. Kế đây tôi chúc lại cho tất cả Tăng, Ni và Phật tử. Sang năm Canh Thìn này, tôi cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho Tăng, Ni và Phật tử một năm an vui, tinh tấn tu hành và luôn luôn tỉnh giác, không để cho những cái mê làm che lấp tâm mình. Tôi cầu nguyện tất cả quý vị lúc nào cũng thấy rõ đạo đức là ngọn đuốc sáng. Mình phải rán mỗi, rán thấp cho cháy ngọn đuốc của mình, để rồi mình sẽ mời cho cháy những ngọn đuốc của người sau. Mình thấy đường đi, cũng muốn cho tất cả người cùng thấy như mình và mãi về sau cũng được sáng suốt luôn. Ngọn đuốc chánh pháp chúng ta mỗi được, không bao giờ

quên, không bao giờ để cho nó tắt, phải tiếp nối mãi mãi. Đó là lời chúc chân thành của tôi, cũng là ước nguyện của tôi. Mong tất cả Tăng, Ni và Phật tử thành tâm ghi nhớ.

Phần chúc Tết của tôi đã xong. Giờ tới phần nguyện vọng của tôi.

Nguyện vọng của tôi thế nào? Muốn thấy muốn biết nguyện vọng của tôi cho thật rõ thì câu hỏi đặt ra ở đây là: Tại sao tôi đặt tên Thiền viện này là Trúc Lâm? Quý vị nghe dường như lạc đề. Nhưng thật ra khi tôi đặt tên một ngôi Thiền viện nào, thì đó là tất cả nỗi lòng ôm ấp của tôi. Nó thể hiện qua những từ ngữ đó, chớ không phải là chuyện ngẫu nhiên hay là bất chước ai. Mà là tất cả nỗi lòng tôi đang ôm ấp.

Vì vậy muốn biết tại sao tôi đặt tên Thiền viện Trúc Lâm thì quý vị chịu khó nghe cho kỹ dòng thời gian từ trước đến nay, mới thấy rõ ý nghĩa đó. Bây giờ tôi nói xa xôi một chút. Đọc lịch sử Việt Nam, tất cả chúng ta đều thấy, đều biết rõ rằng nước Việt Nam đã bị Bắc thuộc hơn một ngàn năm, rồi Tây thuộc cả một trăm năm. Trong thời Tây thuộc, tôi đã có mặt vào thời gian cuối. Có mặt trong lúc đất nước bị lệ thuộc ngoại bang, chúng tôi thấm sâu nỗi đau khổ tủi nhục của dân tộc bị ngoại bang cai trị. Bởi vậy tôi mong mỏi, trông chờ đất nước Việt Nam được độc lập vững bền, dài lâu để cho những nỗi khổ đau của dân tộc, những tủi nhục của dân tộc được lành những vết thương đau đớn ấy.

Vì vậy lúc nào tôi cũng có sẵn một tâm niệm nguyện cầu cho đất nước chúng ta được độc lập vững bền dài lâu, cho dân tộc chúng ta được an vui, được hạnh phúc. Đó là nguyện vọng của tôi đối với đất nước.

Một đất nước thực sự độc lập đòi hỏi phải độc lập về chính trị, độc lập về quân sự, độc lập về văn hóa, độc lập về kinh tế. Nhưng chúng tôi lại có duyên sâu trong Phật pháp. Cho nên ở trên đất nước Việt Nam, mà tôi chỉ có mặt trong lãnh vực Phật giáo, chớ tôi không có mặt trong những lãnh vực khác. Vì thế ở trong lãnh vực Phật giáo, tôi phải làm thế nào cho Phật giáo Việt Nam đóng góp một phần lớn cho dân tộc, cho đất nước. Làm sao đem được ánh đuốc sáng của Phật giáo soi cho người dân Việt Nam thấy được con đường sáng suốt, thấy được những hầm hố, không phải vấp ngã, không bị những điều khó khăn làm cho mình phải trở ngại trên bước đường tiến tới. Vì vậy tôi bao giờ cũng nghĩ phải làm sao cho Phật giáo Việt Nam được có những điểm rất là sáng suốt, rất là tốt đẹp, để ngọn đuốc sáng này soi rọi cho dân tộc chúng ta thấy được, đi được trên con đường tốt đẹp đó. Vì vậy khi tôi đặt vấn đề phải làm sao tạo duyên cho Tăng, Ni tu và tạo duyên truyền bá Phật pháp cho hàng

Phật tử hiểu. Đến đây, tôi thấy cơ duyên thuận lợi cho nên mới thành lập Thiền viện nơi này.

Khi thành lập Thiền viện, tôi nhìn lại kỹ trong dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam, những mốc nào những điểm nào thích hợp với hoàn cảnh, với đất nước hiện tại để chọn làm cái mốc son. Chúng ta tu, truyền bá, đem ra phổ biến cho mọi người thấy biết mà ứng dụng. Được như vậy mới phù hợp với tinh thần dân tộc của chúng ta trong giai đoạn hiện tại này. Khi chọn lựa, tôi chắm ngay cái điểm Phật giáo đời Trần. Tôi cho đó là một điểm son. Đó là thời gian xứng đáng để cho chúng ta nương theo mà tu, nương theo mà truyền bá và cũng nương theo mà thể hiện được tinh thần lợi dân ích nước. Đem tất cả khả năng đức độ của chúng ta gieo rắc cho người dân, cho đất nước mình được những mầm non tươi đẹp và cường tráng. Do đó chúng tôi lấy Phật giáo đời Trần làm cái mốc chính.

Khi xây dựng xong Thiền viện, tôi đặt tên là Thiền viện Trúc Lâm, đúng với ý nghĩa là Trúc Lâm Yên Tử. Chữ Trúc Lâm có hai:

1- Trúc Lâm khi đức Phật còn tại thế, Ngài đã được nhà Vua xây dựng một ngôi Tinh xá để tên là Tinh xá Trúc Lâm. Đó là Trúc Lâm thời đức Phật.

2- Trúc Lâm hiện nay của chúng ta là Trúc Lâm Yên Tử, chứ không phải Trúc Lâm của ngôi Tinh xá thuở kia. Trúc Lâm Yên Tử để nói lên một hệ thống truyền bá Phật pháp ngay trong đời Trần. Hệ thống truyền bá đó có những ưu gì, đặc điểm nào mà tôi chọn. Đây là điều tôi sẽ nói ở sau.

Khi tôi chọn được tên để đặt là Thiền viện Trúc Lâm, thì tự nhiên quý vị thấy đó là một tâm hồn đang hướng về Phật pháp. Mà Phật pháp này đã được dân tộc Việt Nam chọn lọc. Từ sự chọn lọc này ứng dụng được để truyền bá cho mọi người. Nói tới Trúc Lâm Yên Tử thì chắc không ai chẳng biết. Nhưng tinh thần trong đó thì ít người thấu hiểu.

Như tôi đã nói, một nước độc lập thì phải độc lập về chính trị, về quân sự, về văn hóa, về kinh tế. Thì thời Trần là thời dành được thắng lợi sau khi quân Nguyên Mông sang xâm lấn đất nước ta. Các Vua đời Trần đã chống được giặc. Như vậy về phần chính trị, về quân sự thì các Ngài đã làm rất vẻ vang cho đất nước. Về văn hóa thì thời Trần, nếu quý vị đọc lại những bản văn đời Trần thì thấy các vua đời Trần đã có ý niệm cụ thể rằng chúng ta không thể nào mượn văn hóa Trung Quốc làm văn hóa Việt Nam mãi. Mà văn hóa thì chữ viết là một điều kiện thể hiện nền văn hóa của mình. Cho nên đời Trần tuy là học chữ Hán, nhưng các Ngài muốn chuyển thành chữ Việt, do đó mới trọng chữ Nôm. Tuy chữ Nôm đã có trước rồi, nhưng tới đây là thời phát triển. Cho nên vua Trần Nhân Tông khi còn làm Thái thượng hoàng, Ngài đã viết một bản văn

rất có giá trị đạo đức, đến nay vẫn còn nguyên vẹn. Bản văn đó là bài phú Cư Trần Lạc Đạo, hoàn toàn bằng chữ Nôm. Như vậy thì không phải chỉ độc lập bằng quân sự, bằng chính trị thôi mà Ngài muốn độc lập luôn cả về văn hóa, không lệ thuộc Trung Quốc. Đó là điều tôi thấy rất là đáng nể, đáng kính.

Hiện nay chúng ta phải làm sao để cho đạo Phật được tốt. Mà muốn đạo Phật tốt thì chúng ta phải tạo cái duyên cho đời được đẹp. Chớ không thể nào đạo tốt mà đời để mặc thế nào cũng được. Chúng ta phải làm sao cho đạo với đời đều tốt đẹp với nhau. Thời Trần các vua là Thiền sư, hiểu Phật pháp rất uyên thâm. Các Ngài lại yêu nước, dành quyền lợi cho dân tộc, làm những việc xứng đáng như vậy. Khi làm tất cả việc đó, các Ngài không bao giờ xao lãng sự tu tập, sự nghiên cứu Phật pháp.

Chúng ta thấy đạo Phật thời Trần là một đạo Phật rất tích cực, nằm ở trong hệ thống chính quyền. Đem đạo đức làm lợi ích cho dân. Nhưng cái hay của các Ngài là những ông vua Thiền sư, khi cầm quân đánh giặc chống ngoại xâm không lúc nào các Ngài tuyên bố rằng tôi nhân danh đạo Phật để đi đánh giặc. Mà đạo Phật chỉ có ở trong tâm của các Ngài. Còn hành động chống ngoại xâm, là trách nhiệm của một công dân, của người lãnh đạo đất nước. Chớ không đem đạo Phật vào việc chiến tranh để làm hoen ố đạo. Đó là điều rất hay.

Các vua từ vua Trần Thái Tông cho đến Trần Nhân Tông, rồi sau này Anh Tông v.v... đều là những ông vua thấm nhuần đạo Phật. Mà chưa bao giờ nhân danh đạo Phật để làm chuyện sát hại quần sanh, chỉ khi rồi, khi nhân hạ thì các Ngài cố gắng đem đạo Phật ứng dụng tu hành và truyền bá cho quần chúng. Còn khi loạn lạc thì các Ngài nhân danh là một người có trách nhiệm với đất nước, đứng ra lãnh đạo chống ngoại xâm, chớ không có bóng dáng đạo Phật ở trong đó.

Chúng ta dùng hình ảnh Thiền tông đời Trần là một hình ảnh rất tốt đẹp. Nên khi đặt tên Thiền viện rồi, tôi đã có chủ trương khôi phục Thiền tông đời Trần. Khi nói khôi phục Thiền tông đời Trần thì có nhiều vấn đề liên hệ. Tôi sẽ thứ tự trình bày cho quý vị thấy.

Trước tiên liên hệ tới Phật pháp, tới Tam tạng giáo điển. Trong Tam tạng giáo điển là kinh, luật, luận. Nhưng trong Tam tạng giáo điển, tôi lại nghiêng trọng về kinh tạng và luận tạng mà luật tạng tôi hơi lơ là. Tự nhiên quý vị thấy có điều gì, ổn hay không? Tại sao tôi lại có cái nhìn, có cái hướng lệch như vậy? Sự thực tôi thấy đó là một trọng tâm.

Bởi vì đức Phật từng dạy tất cả giáo lý của Ngài là những phương thuốc trị tâm bệnh cho chúng sanh. Chúng sanh có vô số bệnh thì Phật cũng dùng vô

số thuốc để trị bệnh. Như vậy kinh là để dạy chúng ta biết phương pháp tu dẹp sạch phiền não. Đó là cái trọng tâm. Còn luật, thường thường chúng ta hay nghe các vị tôn túc nhắc rằng giới luật là quan trọng. Nhất định giới luật phải quý phải kính, song tôi đặt nặng phần căn bản, phần tinh hoa của giới luật để gìn giữ, còn phần chi tiết, phần hình thức thì tùy hoàn cảnh, tùy thời chớ không cố định. Quý vị nghiệm xét kỹ thì thấy phần hình thức của luật có tánh cách nghiêng về phong tục tập quán của Ấn Độ thời cổ đại. Như trong giới Tỳ kheo tăng 250 giới, mà thực sự chúng ta thấy hai phần Tứ ba la di, Thập tam tăng tằng là trọng yếu. Còn những phần sau, ngày nay chúng ta giữ được bao nhiêu, nhất là 100 pháp chúng học, chúng ta có giữ được gì không ? Đó đều là tùy theo tập quán phong tục của địa phương mà Phật chế ra để đừng bị người ta không bằng lòng. Đây là điều tôi thấy rất rõ.

Tôi đã từng nói với Tăng, Ni rằng đức Phật ra đời là để cứu độ chúng sanh. Cứu độ chúng sanh bằng cách nào ? Là đem chánh pháp chỉ dạy cho người ta tu, để dẹp sạch phiền não giải thoát sanh tử. Như vậy cứu độ chúng sanh chớ không phải cứu độ riêng cho dân tộc Ấn Độ. Ngài ra đời cứu độ chúng sanh thì mình ở đâu, nước nào cũng là một chúng sanh. Như vậy Ngài cứu độ chúng ta, chớ không phải Ngài tuyên bố Phật ra đời là vì dân tộc Ấn Độ, vì giáo hóa dân Ấn Độ. Như vậy đức Phật không tự đặt Ngài ở trong một phạm vi của một dân tộc, của một đất nước, của một màu da v.v... mà Ngài đặt Ngài là người của tất cả chúng sanh. Đã là người của tất cả chúng sanh thì chúng ta theo đạo Phật phải biết những gì Phật dạy để trị tâm bệnh. Mình lấy đó để ứng dụng tu hành, dẹp trừ được phiền não. Đó là cái gốc.

Tới điểm thứ hai, hiện tại chúng ta nhìn Phật giáo truyền bá trên thế giới, rõ ràng có hai hệ phái Nam tông và Bắc tông. Hiện giờ, quý vị thấy tôi đang theo hệ phái nào ? Chắc không ai nghi ngờ tôi theo Bắc tông. Tại sao tôi lại theo Bắc tông mà tôi không thích Nam tông ? Như tôi đã nói Phật là người của chúng sanh. Đã là người của chúng sanh thì chúng ta ở nước nào, nơi nào cũng có quyền tu theo Phật hết.

Tôi thí dụ như có một xí nghiệp bào chế thuốc tây. Họ bào chế thứ thuốc rất hay trị lành bệnh. Nếu người nhức đầu có thuốc nhức đầu uống liền lành. Người đau bụng có thuốc đau bụng uống liền lành v.v... Thuốc nào cũng hay hết, uống vào liền lành bệnh. Nhà thuốc chế những phương thuốc ấy ở bên Pháp, họ có nói rằng thuốc tôi chỉ chế trị bệnh cho người Pháp không ? Hay thuốc này chế ra, ai biết đúng bệnh và đúng thuốc, uống đúng liều lượng thì sẽ lành. Tất cả ai uống cũng được hết. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai, thuốc chế ra từ phương Tây như ở Pháp chẳng hạn. Chúng ta là người Việt Nam muốn uống thuốc tây, mình phải chuẩn bị làm sao, uống bằng cách nào cho có hiệu quả ? Uống thuốc Tây phải mặc đồ Tây, phải mũ cao như Tây, lấy phấn thoa mặt cho trắng... uống mới có hiệu quả hay sao ? Hay là bất cứ ăn mặc thế nào, bất cứ màu da thế nào, bất cứ mũ xẹp mũ cao gì miễn biết uống đúng thuốc, đúng bệnh và đúng liều lượng thì bệnh được lành.

Đạo Phật xuất phát từ Ấn Độ, phong tục tập quán của Ấn Độ, ăn mặc khác mình, xử sự khác mình. Bây giờ mình muốn dùng phương thuốc của Phật từ Ấn Độ trị bệnh cho người Việt Nam thì có phải ăn mặc giống người Ấn Độ không ? Mình phải xử sự như người Ấn Độ không ? Chúng ta không thể nào tu theo đạo Phật, dùng những phương pháp Phật dạy để trị tâm bệnh của mình, mà bắt buộc mình phải giống người Ấn Độ, mình phải ăn mặc như người Ấn Độ, mình phải xử sự như người Ấn Độ. Đâu cần thiết như vậy. Mà cần thiết ở chỗ mình biết bệnh, biết thuốc và biết liều lượng uống thì bệnh lành. Đó là một lẽ thật.

Bây giờ quý vị giờ bộ luật Tứ phần ra thì thấy trong đó hết bao nhiêu phần nói về y bát. Mà bây giờ mình có mang y bát đi khát thực như Phật hồi xưa không ? Thế mà bảo phải giữ giới thì làm sao giữ đây ? Khi tôi sang Ấn Độ gặp mùa lúa chín, ngồi trên tàu hỏa chạy đi dọc đường thấy mấy cô gái Ấn Độ cắt lúa, tôi thương quá, họ quán cái y lùm xùm cắt lúa khó khăn làm sao ! Nhớ lại người Việt Nam mình mặc đồ gọn ghẽ cắt rất lẹ làng, còn họ xùng xình quá, cắt lúa hết sức khó. Đây là tại tập quán của người ta như vậy. Người ở quê từ người nam người nữ, trẻ già gì cũng quán y. Cho nên Phật tu ở Ấn Độ, Phật cũng quán y. Chuyện đó là chuyện đương nhiên.

Hệ phái Bắc tông bây giờ dùng từ là Phát triển có những cái không cố chấp như thuở xưa. Như Bắc tông truyền sang Trung Hoa thì các Thiền sư ở Trung Hoa có ăn mặc giống Ấn Độ không ? Chính Phật, Ngài quán y tu hành thành Phật. Bây giờ mình khi nào lễ Phật cũng quán y để tỏ lòng tôn trọng cung kính Phật. Còn cách ăn mặc, xử sự trong mọi hoàn cảnh thì mình phải khác. Cho nên người Trung Hoa ăn mặc như người Trung Hoa, chỉ khác là cái áo khác màu với người thế tục thôi. Còn cái y chỉ dành khi nào lễ Phật. Bình thường người ta cũng mặc đồ thường để làm việc cho gọn ghẽ. Sang Nhật Bản, quý vị thấy người Nhật Bản có làm giống người Ấn Độ không ? Y cũng có, nhưng y chỉ dành khi lễ lạy, còn bình thường họ cũng ăn mặc quần áo theo Nhật Bản. Như vậy chỉ khác với người thế gian, người tu ăn mặc nâu sòng, không lòe lẹt như người thế gian thôi.

Bắc tông dám cải đổi những gì không phải cái gốc, cái nguồn thì mình có thể sửa được. Gốc nguồn là pháp Phật. Còn ăn mặc là hình thức bên ngoài. Như vậy mình là người Việt Nam, muốn học Phật mà giữ nguyên bản sắc Việt Nam, mình phải ăn mặc và thực hành theo Bắc tông thì hợp hơn. Đó là một lý do riêng của tôi.

Còn một lý do thứ hai sâu sắc hơn là kinh điển Phật dạy như các bộ A Hàm. Trong các bộ A Hàm luôn luôn dạy chúng ta tu. Khi chúng ta đã phá được ngã chấp, pháp chấp rồi thì liền được chứng quả A-la-hán, là nhập Niết-bàn. Niết-bàn là vô sanh hay nói cách khác chúng ta tu đến quả vị A-la-hán rồi thì sẽ giải thoát sanh tử. Song nói giải thoát sanh tử, tôi đặt ra một câu hỏi: Nếu có người bị trói, bị cột trong cây hay là một nơi nào đó mà họ khổ sở, họ dẫy dụa ra không được. Có người thấy thương lại mở dây trói họ ra, người ta gọi người đó là người giải thoát cho họ. Ông A ông B bị cột trói, mở dây cột trói nói giải thoát cho họ. Giải thoát có nghĩa gì? Giải thoát là một động từ. Nhưng giải thoát phải giải thoát cho ai, giải thoát cái gì, còn một chủ từ nữa.

Trong kinh Phật nói hết phiền não thì được giải thoát sanh tử. Mà giải thoát sanh tử không biết ai giải thoát, cái gì giải thoát Phật không nói thêm. Quý vị đọc hết trong các kinh A Hàm thử xem, không bao giờ Phật nói thêm cái gì nữa. Chỉ nói giải thoát sanh tử là đủ. Nếu nói thêm, như trong kinh dạy có vị A-la-hán tịch. Các Tỷ kheo hỏi Phật: “Vị A-la-hán này tịch rồi sẽ về đâu?” Phật chỉ trả lời rằng: “Như củi hết thì lửa tắt”. Một đồng củi đang cháy, nếu củi còn thì lửa tiếp tục còn cháy. Củi hết thì lửa tắt. Phật trả lời gọn như vậy thôi. Như vậy thì sao? Mình không biết sao nữa hết. Như vậy nói tới giải thoát có một cái gì chưa ổn.

Cho nên bước qua lãnh vực kinh điển Đại thừa thì các Ngài nói trắng ra giải thoát sanh tử là giải thoát cái gì? Giải thoát sanh tử nghĩa là mình dứt sạch phiền não rồi thì Phật tánh chân tâm của mình hiển lộ. Phật tánh chân tâm là cái không có sanh tử. Cho nên dứt được những cái che đậy, những cái cột trói làm cho mình phải sanh tử thì mình hết sanh tử. Cái gì hết sanh tử? Là Phật tánh, là chân tâm của mình. Cái đó là cái giải thoát sanh tử. Rõ ràng quá, không còn gì nghi ngờ nữa. Còn như trước nói thì mình thấy có gì không ổn. Nhưng phải suy cho kỹ, tại sao đức Phật nói tới đó thôi? Bởi vì Ngài ra đời ở Ấn Độ, mà giáo lý của đạo Bà la môn luôn luôn nói con người có một thần ngã. Tất cả hiểu biết của mình thuộc về thần ngã. Cho nên chết rồi thì thần ngã đó hoặc được sanh nơi này nơi kia, hoặc được về với Tự Tại Thiên chẳng hạn. Vì vậy mà Phật dè dặt. Nếu nói còn có cái gì đó thì người ta nói “Như vậy là thần ngã rồi” nên Phật không nói. Phật chỉ nói củi hết lửa tắt là giải thoát. Vậy thôi, không nói

thêm gì nữa.

Hoàn cảnh đức Phật buổi đầu khó khăn như vậy nên Phật không muốn nói hết. Sau này kinh điển Đại thừa là của Phật nói hoặc không phải Phật nói mà đệ tử Phật, những vị chứng quả A-la-hán hoặc quả Bồ-tát tiếp nối giải thích cho rõ cho người sau hiểu, thì việc đó không lỗi làm gì hết. Cũng là một bước để cho người sau không nghi ngờ.

Chúng ta thấy kinh điển Đại thừa lúc nào cũng chỉ chúng ta một hướng đi vừa thực tế vừa chân thật. Chúng ta biết trong người chúng ta cái gì giả, rồi tìm phẳng có cái thật. Cái thật với cái giả, mà cái giả mình không làm thì cái thật sẽ hiển hiện.

Như vậy ngay nơi mình, tu rồi mình thấy rõ không nghi ngờ gì hết. Sự dạy dỗ tu hành rất thực tế, dễ dàng hơn. Đó là lý do tại sao tôi theo Bắc tông. Nhiều khi quý vị không hiểu nói sao cũng người tu Phật ở Việt Nam, có người theo Nam tông, người theo Bắc tông là lý do gì? Đây, tôi có lý do rõ ràng như vậy. Bởi vì dân tộc của chúng ta, tổ tiên của chúng ta ngày xưa tu theo Bắc tông. Bây giờ chúng ta thấy Bắc tông có những lối nhìn cụ thể, thực tế mà không bị gò bó.

Bắc tông chỉ cho chúng ta thấy giáo lý đến chỗ cứu kính, không phải nói giải thoát không. Mà giải thoát là cái chân tâm, cái Phật tánh của chúng ta không còn bị phiền não cột trói nữa, cho nên cái đó tự tại, thênh thang giải thoát, không bị sanh tử. Như vậy cái nào cũng cụ thể, cũng rõ ràng cho nên chúng ta theo.

Những gì tôi đã nói ở trên là để nói lên nguyện vọng của tôi cho quý vị biết.

Chúng ta là lớp người sau, chúng ta theo đạo Phật mà đạo Phật đã truyền bá trên đất nước chúng ta gần hai mươi thế kỷ rồi, tức là cả hai thiên niên kỷ. Như vậy đạo Phật ảnh hưởng rộng lớn sâu đậm thế nào đối với dân tộc Việt Nam. Như ở trên tôi đã nói đời Trần muốn cách mạng văn hóa, không lệ thuộc Trung Quốc. Bây giờ chúng ta ở trong đạo Phật, chúng ta có bị lệ thuộc gì văn hóa của Trung Quốc không? Ngày nay quý vị tới chùa thấy tới công phu Tịnh độ, khuya trì chú Lăng Nghiêm. Như vậy thì “Hai thời khóa tụng mà hiện giờ chúng ta tu là Phật dạy hay ai đặt ra?” Đó là câu hỏi cần phải biết. Chúng ta tu Phật mà thấy người ta làm thì làm theo không biết mình làm đó là học theo ai, bắt chước người nào, đó là thiếu sót lớn.

Chính khi nghiên cứu hai thời khóa tụng rồi, tôi buồn, rất là buồn. Vì hai thời khóa tụng ra đời trong thời nhà Thanh ở Trung Quốc, chính đời vua Khang Hy. Ông mời các Thiền sư, các vị Tăng có tiếng tăm tới sắp đặt hai thời khóa tụng. Mà thời nhà Thanh là thời Phật giáo suy đồi. Đặt ra hai thời

khóa tụng để cho dân Trung Quốc tụng, mà sao lại lọt qua Việt Nam. Việt Nam cũng tụng theo. Tụng theo cả trăm năm nay. Quý vị nghĩ sao ?

Nếu ở Nhật Bản, quý vị thấy có tụng hai thời khóa tụng như mình không ? Ở Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan có tụng hai thời khóa tụng không ? Chỉ có ở Trung Quốc đời nhà Thanh thôi. Phật giáo thịnh nhất ở Trung Quốc là đời Đường, đời Tống. Sang đời Nguyên, đời Thanh là Phật giáo suy đồi. Từ cái suy đồi đó, người ta mới tạo ra hai thời khóa tụng. Hai thời khóa tụng ra đời thì càng suy đồi hơn nữa. Mình lại lấy cái đó làm nền tảng tu hành cho xứ sở mình, cho Phật giáo Việt Nam thì quý vị có vui được không ? Chính khi tụng hai thời khóa tụng thì Phật tử hiện nay nghe có hiểu câu nào không ? Cứ tụng bằng chữ Hán. Mình học Phật, tại sao ở Ấn Độ sau khi Phật nhập Niết-bàn, các vị kiết tập bằng văn tự Nam phạn và Bắc phạn. Nam phạn tức là tiếng Pali, Bắc phạn tức là tiếng Sanskrit. Như vậy kinh sau này của Ấn Độ bằng hai thứ chữ Sanskrit và Pali.

Khi người Trung Hoa nghiên cứu đạo Phật, học đạo Phật, người ta chuyển thành chữ Hán hết, ba tạng kinh đều bằng chữ Hán. Chúng ta ngày xưa vì chưa có chữ quốc ngữ cố định nên mình cũng phải học kinh chữ Hán. Ngày nay đã có chữ quốc ngữ là chữ mà tất cả đều chuyển được hết từ tiếng Pháp, tiếng Anh chuyển thành tiếng Việt được, tại sao chữ Hán mình không chuyển thành chữ Việt. Chúng ta cứ đem chữ Hán ra đọc. Hiện nay nhiều vị tu ở chùa, chữ Hán cũng chút ít mà tụng kinh chữ Hán có biết gì đâu. Rồi Phật tử lại tụng tụng mà không biết gì hết. Như vậy mình tu Phật có lệ thuộc những người đi trước hay là những nước đàn anh đã theo đạo Phật ? Người ta chế, người ta sắp đặt ra rồi mình theo như vậy thì có lệ thuộc không?

Rõ ràng, chúng ta muốn độc lập về văn hóa mà ở trong tôn giáo chúng ta lệ thuộc một cách đau đớn, đáng buồn. Cho nên tôi lên tiếng, tôi nói phải thay đổi lại, không được lệ thuộc như vậy nữa. Như vậy chúng ta muốn không lệ thuộc thì phải can đảm, phải chuyển hóa những gì lâu nay chúng ta bị lệ thuộc. Bây giờ dứt khoát phải thay đổi. Như vậy mới gọi là gan, như vậy mới gọi là người dám nhận đúng nhận sai. Nếu chúng ta không như vậy thì không có làm gì được.

Ở đây, Thiền viện Trúc Lâm ra đời, quý vị thấy chúng ta có cái đổi không ? Tất cả những nghi thức đều chuyển thành tiếng Việt. Cho tới người ta gọi tôi là cầu kỳ. Lâu nay người ta quen gặp nhau hoặc tất cả buổi lễ khi niệm tới danh hiệu đức Phật thì niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, gần như đây là một thông lệ không thay đổi được. Mà tôi dám thay đổi. Tôi đổi lại Nam Mô Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Tại sao tôi kỳ khôi vậy ? Làm việc

lạ đời như vậy ?

Quý vị nhớ, nếu đứng về mặt văn hóa thì văn hóa Trung Quốc, về câu văn luôn luôn danh từ chung được đặt sau, danh từ riêng được đặt trước. Như Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni là danh từ riêng, Phật là danh từ chung. Danh từ chung đặt sau, danh từ riêng đặt trước. Đó là lối văn phạm của Trung Quốc.

Còn người Việt Nam thì sao, danh từ chung được đặt trước, danh từ riêng được đặt sau. Thí dụ như muốn giới thiệu một vị Thượng tọa tên Chân Tâm thì chúng ta phải nói sao ? Đây là Thượng tọa Chân Tâm hay Chân Tâm Thượng tọa ? Nếu mình nói Chân Tâm Thượng tọa chắc người ta cười rần, phải không ? Bởi vì Thượng tọa là danh từ chung, Chân Tâm là danh từ riêng. Nói theo Việt Nam thì đây là Thượng tọa Chân Tâm. Như vậy Việt Nam phải rõ ràng là Việt Nam. Tại sao chúng ta lệ thuộc chữ nghĩa, rồi lệ thuộc văn phạm, lệ thuộc hoàn toàn. Như vậy chúng ta có can đảm hay không ?

Chúng ta là người Việt Nam, tu theo đạo Phật, phải đem chánh pháp của Phật ứng dụng tu hành, chớ không nên lệ thuộc người Ấn Độ về hình thức cũng như văn hóa chữ nghĩa. Mà không lệ thuộc người Ấn Độ chẳng lẽ chúng ta lệ thuộc Trung Hoa. Trung Hoa không lệ thuộc Ấn Độ, Nhật Bản không lệ thuộc Ấn Độ, mà Trung Hoa có ngôn ngữ văn tự của Trung Hoa, Nhật Bản có ngôn ngữ văn tự của Nhật Bản. Việt Nam chúng ta cũng có ngôn ngữ văn tự Việt Nam, mà chúng ta cứ rờn rọc đọc theo Trung Hoa thì có lệ thuộc không ? Chúng ta tu theo Đại thừa, không cho lệ thuộc bất cứ hình thức hay văn hóa nào ngoại lai. Nhưng rõ ràng Phật giáo Việt Nam chúng ta lệ thuộc một cách đáng thương. Cho nên tôi chủ trương cái gì lệ thuộc thì chúng ta phải gỡ. Chúng ta phải cỡi ách nô lệ. Nô lệ về chính trị, nô lệ về kinh tế, nô lệ về văn hóa. Không lẽ chúng ta để bị nô lệ như vậy. Đây là cái nhìn riêng của tôi.

Hơn nữa, Phật giáo đã đóng góp văn hóa cho dân tộc Việt Nam rất đáng kể. Nhưng nhiều khi chúng ta không để ý. Nếu để ý quý vị sẽ thấy. Thuở nhỏ khoảng mười tuổi tôi thuộc lòng câu chuyện “mù rờ voi”. Mỗi khi làm gì xem có vẻ không được, không thành hình thì các ông già bà già nói: “Mày làm như mù rờ voi”. Tôi không biết mù rờ voi là gì, chỉ biết làm như vậy là không đúng thôi. Có chỗ nói kỹ hơn có con voi và một đám người mù rờ nó. Người nói con voi như cái trống, người nói như cây cột, người nói như cây chổi... Như vậy biết rằng mấy người mù nói không đúng thật hình tượng con voi, mà chỉ đúng một bộ phận thôi. Cho nên làm việc gì không đúng hoàn toàn, người ta nói “mày là mù rờ voi”. Mình tưởng câu đó, chuyện đó do tổ tiên mình đặt ra, nó là văn hóa của dân tộc Việt Nam. Nhưng sau

này khi nghiên cứu kỹ bộ kinh Trường A Hàm, tôi thấy câu chuyện đó nằm ngay trong kinh A Hàm.

Trong kinh Trường A Hàm kể rằng: Phật nói có một ông Vua muốn trải nghiệm những người mù, ông bảo quần thần dẫn một con voi vào triều để trước sân triều. Mời những người mù lại đứng hai bên. Ông quan hô to rằng: “Đây là con voi, ở trước mặt các ông. Vậy các ông sờ xem diễn tả lại hình dáng con voi cho nhà Vua nghe. Thử ai diễn tả đúng thì được khen thưởng.” Sau đó, mỗi người chụp vào con voi, sờ được bộ phận nào liền nói. Như người chụp được cái chân, vuốt từ trên xuống thì la lên “con voi giống cây cột”. Người chụp được cái đuôi thì la “con voi giống cây chổi chà”. Người chụp được cái bụng thì la “con voi giống cái trống”. Người chụp được lỗ tai thì la “con voi giống cây quạt” v.v... Mỗi người nói mỗi cách. Nhà Vua và bá quan là người sáng mắt nhìn thấy tức cười. Nhưng những người mù đó, người nói con voi giống cây cột, người nói con voi giống cái trống. Hai người không chịu thua. Người nào cũng nói mình đúng vì mình nắm được mà. Vì vậy người này nói anh nói bậy, người kia nói anh nói trật. Hai người cãi một hồi đi đến đánh lộn nhau. Đánh nhau tứ tung rồi, nhà Vua mới ra lệnh giải hòa mà bảo rằng: “Vi các ông mù nên chỉ sờ được một bộ phận con voi. Nói diễn tả đúng chỗ mình sờ được, chớ chưa thấy toàn bộ. Mỗi người đều sờ trúng nhưng chỉ trúng một bộ phận, chớ không có toàn thể. Chỉ khi nào các ông sáng mắt thì mới thấy toàn thể con voi”.

Nếu sáng mắt rồi nhìn con voi có ai cãi lộn nhau đâu. Con voi như vậy thì thấy như vậy, có gì đâu mà cãi. Sở dĩ cãi lộn là tại mù, nắm được có một phần. Cho nên mình nói khác, người nói khác thành ra cãi lộn. Kết luận Phật nói: - Các nhà triết học hiện đại cũng như vậy, như người mù. Nghĩa là nắm được một bộ phận chân lý, rồi họ cho đó là cứu kính. Họ la lên, người khác cũng nắm một bộ phận chân lý, cũng la lên. Và hai người không giống nhau thành cãi lộn, sanh ra tranh cãi hơn thua phải quấy. Phật nói chỉ có người giác ngộ trọn vẹn rồi thì mới thấy chân lý. Mà thấy chân lý trọn vẹn thì không còn gì để cãi hết. Người giác ngộ trọn vẹn sẽ thấy như đức Phật.

Câu chuyện đó phát nguồn từ kinh điển Phật, nó ăn sâu trong văn hóa Việt Nam. Chẳng những một câu chuyện mà còn nhiều câu chuyện nữa. Nếu quý vị chịu khó đọc những kinh như Bách Dụ v.v... sẽ thấy có những thí dụ mà tổ tiên chúng ta cũng dùng để dạy răn nhắc con cháu. Thế mới thấy văn hóa Phật giáo ảnh hưởng đến dân tộc chúng ta rất nhiều. Vì vậy ngày nay chúng ta biết tôn trọng sự độc lập của dân tộc. Chúng ta là người ở trong tôn giáo, cũng phải biết tôn trọng sự độc lập của văn hóa Phật giáo. Chúng ta đừng lệ thuộc hoặc một

thứ chữ này thứ chữ khác. Hay cũng đừng lệ thuộc bất cứ một đường lối nào của những người cùng tu đạo Phật ở nơi khác. Người ta thực hiện theo phong tục tập quán của họ, mình cứ bắt chước, không sử dụng đúng với tinh thần của Phật giáo Việt Nam. Chúng ta phải có một nền Phật giáo Việt Nam thực sự. Nếu không thì chúng ta lệ thuộc một cách đáng thương. Nhất là bây giờ quý vị về các chùa xưa thì thấy tụng kinh, thấy các hình thức lễ lượt thật là Trung Quốc, chớ không có Việt Nam chút nào hết.

Tu theo đạo Phật thì chúng ta phải có một cái nhìn, có một trí tuệ sáng suốt, chọn lựa cái gì là hữu ích, có giá trị thực, chúng ta ứng dụng. Cái nào không thích hợp, cái nào lệ thuộc về văn hóa của nước này hoặc nước kia thì chúng ta phải rời, phải bỏ để chuyển lại thành tất cả Phật giáo Việt Nam là của người Việt Nam. Ai cũng đọc, ai cũng hiểu và ai cũng có thể áp dụng tu được. Như vậy mới thấy cái hay của tinh thần Bắc tông. Không như thế thì chúng ta theo Bắc tông mà lệ thuộc Bắc tông, chớ không phải theo Bắc tông mà độc lập như người Nhật, người Trung Hoa.

Chính vì vậy tôi thấy chỉ có thiền Trúc Lâm Yên Tử là một đường lối tu thích ứng với hoàn cảnh hiện tại của xã hội. Đó là một lối tu rất là Việt Nam. Tại sao? Quý vị thấy ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi, ngài Vô Ngôn Thông, ngài Thảo Đường... truyền bá Thiền sang Việt Nam. Nhưng tới đời Trần, các Ngài lược lặt những tinh hoa của ba vị trước, rồi kết hợp lại thành thiền Trúc Lâm Yên Tử. Mà thiền Trúc Lâm Yên Tử là thiền Việt Nam. Vì tổ Trúc Lâm là người Việt Nam, không phải từ Trung Quốc tới, không phải từ Ấn Độ sang. Đó là người Việt Nam đứng ra tinh lọc những cái hay, những cái quý để giáo dục, để chỉ dạy lại cho người sau, người Việt Nam.

Như vậy, chúng ta không lấy đó làm cái mốc để chúng ta nhắm thì còn cái nào tốt hơn. Cho nên tôi phải dùng Trúc Lâm Yên Tử làm mục tiêu chúng ta nhắm để thực hiện theo tinh thần đó, ứng dụng tu và ứng dụng truyền bá để cho người Việt Nam được tự tin rằng trên đất nước Việt Nam vẫn có những người từng tu theo đạo Phật, từng tu theo Thiền tông, đã chứng ngộ, đã tự tại ra đi và đã thấy được chân lý, tiếp tục truyền nối mãi tới ngày nay không mất.

Như thế người ta mới đủ lòng tin rằng Phật giáo Việt Nam có giá trị. Nếu chúng ta chạy theo bên này bên kia bên nọ để học, rốt cuộc chúng ta không có gì hết. Thí dụ, chúng ta qua Thái Lan học, qua Miến Điện học, qua Nhật Bản học v.v... để nói lên rằng ở Việt Nam chưa có gì để chúng ta học. Nếu Phật giáo Việt Nam chưa có gì làm sao truyền bá được gần hai mươi thế kỷ. Nếu không có gì thì nó bị mất bị diệt rồi. Mà truyền bá thời gian dài như

vậy thì biết rằng Phật giáo Việt Nam có một chỗ đứng rất vững, có một đường đi rất rõ ràng, chớ không phải là không có gì. Nhưng rất tiếc con cháu Việt Nam chúng ta không biết khai thác, không biết khơi dậy cái hay, cái đẹp, cái tốt của Tổ tiên mình đã làm. Chúng ta tưởng chừng như mình không có gì, rồi quên cái hay của Tổ tiên mình, chạy đi học của những người khác.

Như vậy mình có lệ thuộc không ? Tuy theo đạo Phật mà chúng ta vẫn lệ thuộc. Cho nên tôi chủ trương mình theo đạo Phật thì phải có lập trường, lấy cái hay của Phật giáo Việt Nam làm chỗ đứng cho vững, để mình làm lợi ích cho người Phật tử Việt Nam. Còn tham vọng hơn là cho tất cả những nước khác, người ta mến đạo Phật nhìn thấy Phật giáo Việt Nam là một ngọn đuốc sáng, là chỗ đáng tin cậy để họ học hỏi. Như vậy mới hay chứ ! Chẳng lẽ mình cứ chạy đi học chỗ này học chỗ kia, rồi rút cuộc cái của mình lại bỏ.

Chúng ta phải biết khơi dậy ngọn đuốc sáng của Tổ tiên mình. Đó là chỗ mà tôi muốn nói cho tất cả hiểu. Vậy nguyện vọng của tôi là gì ? Nguyện vọng của tôi là muốn làm sao cho đất nước Việt Nam được độc lập, vững bền, lâu dài. Và muốn làm sao cho Phật giáo Việt Nam cũng có những nét độc lập của Phật giáo Việt Nam. Đem đạo Phật ứng dụng tu nơi tâm của mình, chớ không lệ thuộc hình thức người Ấn Độ, cũng không lệ thuộc hình thức người Trung Hoa, người Nhật Bản v.v... Chỉ Phật giáo Việt Nam là của Việt Nam. Như vậy chúng ta mới có được một cái gì cho đất nước mình, cho xứ sở mình, chớ không thì chúng ta trống rỗng, chỉ học của người thôi, mình không có gì hết. Đó là chỗ nhắm của tôi. Nếu tôi không nói ra, có lẽ trong đây Tăng, Ni năm năm, mười năm sau có người hỏi tại sao Thầy đặt tên Thiền viện này là Thiền viện Trúc Lâm, rồi lúng túng không biết trả lời. Như không biết tại sao lâu nay người ta niệm Nam Mô Bổn Thích Ca Mâu Ni Phật mà Thầy lại niệm ngược lại, kỳ vậy.

Có thể việc làm của tôi, chỗ mong mỏi, trông đợi của tôi, tôi muốn thực hiện mà người sau tôi không biết. Đó cũng là cái hại. Nên hôm nay nhân ngày đầu năm tôi nói rõ nguyện vọng của tôi cho Tăng, Ni và Phật tử hiểu. Sở dĩ tôi đặt tên Thiền viện là cả một nguyện vọng gói gắm vào đây, chớ không phải việc làm suông, bắt chước hay tùy hứng. Mà đem tất cả tâm tư nguyện vọng của tôi gói gắm vào tên của Thiền viện. Và nhắm mãi, trông đợi mãi những người sau tôi thấy rõ được nguyện vọng của tôi mà tiếp nối, làm cho nó sáng tỏ, làm cho nó được lâu dài. Đó là chỗ trông đợi mong mỏi nơi tất cả Tăng, Ni và Phật tử hiện giờ.

Hôm nay buổi nói chuyện vào ngày đầu Xuân hay ngày Tết Nguyên Đán tới đây cũng tạm xong. Vậy

mong tất cả Tăng, Ni quý vị nhớ kỹ hiểu rõ thâm ý của tôi trông đợi, mong mỏi thế nào, quý vị rán thực hiện. Như vậy chúng ta mới có được một hướng đi và mới có được một con đường tiếp nối dài xa cho con cháu mai sau. Đó là sự mong mỏi của tôi.



CUỘC ĐỜI LÀ MÂU THUẤN

Nói chuyện với đoàn Bác sĩ Phật tử Thành phố

Hồ Chí Minh ngày 30-04-1999

“Cuộc đời là những mâu thuẫn”, ở đây tôi không nói những gì cao siêu lắm mà nói về những kinh nghiệm sống của người Phật tử và người tu. Chúng ta sống như thế nào để cho cuộc đời được an lành tự tại, không bị những đau khổ làm ray rứt, đó là chủ yếu. Mới nghe qua rất lạ nhưng xét kỹ thì đó là sự thật. Bởi vì người Phật tử tại gia cũng như người xuất gia luôn luôn có những thứ buồn phiền. Than tại sao ở gia đình mình không có ý chí thống nhất với nhau, hoặc ở trong chùa sao không đồng tâm hiệp lực với nhau. Tập thể nào cũng có những chuyện như vậy hết.

Lý do gì mà có những buồn phiền, những phiền nân đó ? Bây giờ chúng ta thử kiểm tra lại nơi bản thân, từ thể xác cho đến tinh thần; và đi xa hơn là các quan niệm, những tổ chức, và cuối cùng là làm sao thoát ra khỏi những mâu thuẫn ấy.

Chúng ta hãy nhìn lại con người của mình. Ai cũng ngỡ rằng có sự mâu thuẫn là do người này đối với người kia, hoặc người kia với người nọ, chớ không nghĩ cái mâu thuẫn đó ở sẵn trong bản thân mình. Tôi nói theo Phật học, nhưng trong y học quý vị có thể nghiên cứu để ứng dụng. Trong Phật học Phật dạy thân này do tứ đại hòa hợp gồm: đất, nước, gió, lửa. Như vậy đất với gió không thuận, nước với lửa không thuận. Cho nên những gì có sự chống trả nhau người ta thường nói như nước với lửa. Vậy trong thân mình, gió với đất có thuận không ? Quý vị thấy nơi nào có giống lớn thì đất bụi bay tứ tung lên. Như vậy, trong thân con người khi nào lạnh phải uống thức nóng cho ấm lại. Khi nào bị nóng phải uống thức mát cho dịu lại. Vì nóng là lửa nhiều nước ít, còn lạnh là nước nhiều lửa ít, cho nên phải dung hòa nó. Cái gì yếu phải nâng lên, cái gì mạnh phải kéo xuống, đây là chuyện làm của bác sĩ.

Như vậy, trong sự sống chúng ta phải làm sao trung hòa các yếu tố có tính chất trái ngược nhau. Nếu quá bên nào cũng đều sanh bệnh hết. Như gió với đất, cụ thể là người nào trúng gió thì phải làm sao ? Trúng gió là gió nhập nhiều, triệu chứng nó là đau râm cả người, nên gió mạnh thì đất rung rinh, vì vậy chúng ta phải đánh gió. Đánh một hồi bớt gió thì người nhẹ, khỏe lại. Còn nếu ở lỗ mũi, cổ họng đất nhiều thì nó mọc nhánh ra; phải đi cắt bỏ, nếu không sẽ bị nghẹt. Rõ ràng đất với gió luôn luôn đối chọi với nhau, cái này trội thì cái kia bị ngăn trở. Vì vậy chúng ta phải tìm cách điều hòa làm sao cho nó được quân bình. Như vậy, mang thân này chúng ta thấy nó đang mâu thuẫn.

Trong nhà Phật dạy rằng, chúng ta điều hòa thân này giống như ông chủ điều hòa bốn con rắn sống chung trong một cái giỏ vậy. Nó luôn luôn thù địch nhau, muốn cho nó yên phải tìm cách điều hòa, đừng để nó cắn mổ nhau. Nhưng điều hòa tới mức nào ? Kết quả ra sao ? Cố gắng điều hòa, điều hòa tới tối đa, nhưng đến một lúc nào đó cái giỏ thủng bẽ, thì mấy con rắn mạnh con nào con ấy chạy. Điều hòa giỏi như bác sĩ nhưng cũng có ngày cái giỏ sẽ thủng, mấy con rắn cũng chạy. Nước chảy theo nước, gió theo gió, lửa theo lửa, đất về đất. Không ai có thể điều hòa được suốt năm này tháng kia cho tới năm bảy trăm năm được. Chỉ một giới hạn nào thôi. Như vậy phần thân do đất, nước, gió, lửa nên có mâu thuẫn với nhau, còn nội tâm có mâu thuẫn không ?

Theo Duy thức học của nhà Phật thì nội tâm chia ra các nhóm: nhóm thiện tâm sở và nhóm ác tâm sở. Thiện và ác có lẫn trong tâm ta hết. Có khi sự việc gì xảy ra chúng ta bực tức nên nói, làm quá trớn. Lát sau, thiện tâm sở nó rày, nói mình làm như vậy không đúng, cho nên chúng ta bị ray rứt, tự mình thấy khó, tự mình thấy khổ, tức là chính mình trừng trị mình rồi. Cái thiện lẫn cái ác, nhưng cũng có khi cái ác thắng cái thiện. Như lẽ ra chúng ta không nói tiếng nặng với ai, không làm cho người đau khổ, đó là tâm niệm của người tu. Vậy mà khi có điều gì làm mình nổi tức lên thì ác tâm sở quá mạnh, nó lấn lướt làm cho chú thiện trốn đầu mất. Chú ác la lối một hồi, chú thiện mới trỗi đầu ra thì chuyện đã rồi. Nên nói mình có sẵn cái thiện mà cũng có sẵn cái ác. Nội tâm chúng ta lúc nào cũng có hai thứ đó giằng co với nhau khiến cho chúng ta bất an hoài.

Thân chống đối, tâm chống đối đều là mâu thuẫn cả, mà mâu thuẫn là gì ? Thuận còn gọi là cái khiến, mâu còn gọi là cây giáo. Cho nên giáo đâm thì khiến đỡ, chỏi lại. Trong tâm chúng ta sẵn sàng mâu thuẫn, thân chúng ta cũng sẵn sàng mâu thuẫn. Tự mình đã mâu thuẫn thì sống với mọi người có mâu thuẫn không ? Đó là điều không ai muốn, nhưng làm sao được ! Thân đã mâu thuẫn, tâm đã mâu thuẫn thì người khác cũng vậy. Cho nên có hòa hợp là có chống đối, không bao giờ tránh khỏi điều đó. Như vậy trong thể xác và tâm hồn chúng ta hai thứ đó luôn có sự mâu thuẫn.

Nói rộng hơn ở thế gian, thế gian này có mâu thuẫn không ? Trong thế gian người ta thường nói có khí âm, khí dương. Âm với dương có chịu nhường nhau đâu. Dương nhiều thì nắng hạn khô, còn âm nhiều thì mưa dầm dề. Âm dương lúc nào cũng chống chọi nhau, và cái nào tăng nhiều cũng nguy hiểm. Như vậy âm dương ở thế gian cũng luôn luôn chống đối, chớ không phải hoàn toàn hòa hết. Có sự bất thường tức là có sự chống đối. Vì khí ở thế gian đối chọi nhau, luôn thay đổi cho nên ảnh

hưởng tới con người, ít ngày cảm, số mũi nhức đầu v.v... Rõ ràng con người, không gian bên ngoài, sự sống trên mặt đất đều có sự chống đối, mâu thuẫn với nhau, chớ không phải lúc nào cũng hoàn toàn an ổn. Về điện cũng có âm dương, điều hòa và sử dụng được sự đối chọi của điện âm dương, các nhà khoa học ngày nay đã tiến bộ vượt bậc. Các công nghệ kỹ thuật phát minh không thể lường trước được là nhờ sử dụng được sự chống đối của điện. Thế nên chúng ta không sợ sự mâu thuẫn của điện, chỉ sợ mình không đủ khả năng điều hòa và sử dụng nó thôi.

Tới con người với con người. Ở đây tôi nói giữa người nam với người nữ. Thường người ta bảo nam thì cương, nữ thì nhu. Cương là cương cường, nhu là nhu hòa nên cũng là chỏi. Vì vậy khi lập gia đình có chồng, có vợ thì cũng là sự chống chỏi; bên cương, bên nhu làm sao mà giống. Cho nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau cũng tại lý do đó. Những gì người nam đề nghị thì người nữ không chịu, người nữ đề nghị thì người nam không chịu. Như vậy mới thấy cuộc sống gia đình giữa nam nữ muốn được hạnh phúc dễ hay khó? Đã là hai tính chất không giống nhau thì làm sao dễ được. Quý vị mới thấy cuộc sống luôn mâu thuẫn, không có lĩnh vực nào không có mâu thuẫn. Vì vậy muốn cho cuộc sống trong gia đình được điều hòa thì phải hết sức khôn khéo. Đó là tôi nói chuyện cá nhân giữa nam nữ, bây giờ nói tới tập thể.

Tập thể nào cũng có một lập trường riêng, sinh hoạt riêng, chính kiến riêng không giống nhau. Mà không giống nhau tức là có chống nhau. Nên nhìn chung, tất cả từ bản thân tới con người, gia đình, xã hội tất cả đều mâu thuẫn. Như vậy chúng ta sống làm sao được an vui, làm sao được hạnh phúc mà ta cứ đòi hạnh phúc, đòi giống nhau thôi. Nếu gia đình giống nhau thì phải là nam hết, chớ một bên cương, một bên nhu thì làm sao giống nhau được. Vì vậy đối với cuộc sống này phải khéo léo, khôn ngoan chớ không thể nào tưởng tượng được như ý mình. Ai nghĩ rằng những gì mình đề nghị ra mọi người đều nghe, đều tuân theo hết thì đó là ảo tưởng. Chỉ có mình đề nghị ra người ta phản đối nhiều hay ít vậy thôi, chớ không bao giờ mọi người chấp thuận hết.

Hiểu như vậy rồi, chúng ta phải làm sao cho cuộc sống được ôn hòa, được vui vẻ? Nói điều này tôi nhớ những năm trước có người hỏi tôi: "Thưa thầy, nếu có hai tập thể thù địch nhau thì theo quan niệm của thầy, phải làm sao cho hai tập thể đó được hòa hợp?" Tôi trả lời rằng: "Có nước, có lửa thì có cơm ăn". Câu trả lời đơn giản vậy thôi. Quý Phật tử thử xét, thật ra người ta cứ sợ mâu thuẫn, nhưng không ngờ chính cái mâu thuẫn là điều kiện để cho con người trong vũ trụ này có sự sinh hóa. Nam

không cũng không sanh được, nữ không cũng sanh không được. Muốn sự sanh hóa được liên tục tốt đẹp thì người điều hòa phải khéo. Như chúng ta có nước mà không có lửa, hay ngược lại có lửa mà không có nước thì có cơm ăn không? Phải có nước, có lửa và người khéo dùng nước, dùng lửa để nấu thì có cơm ăn. Chớ dùng nước để dập tắt lửa, hay dùng lửa đốt cho cạn nước thì không có cơm ăn. Cho nên cuộc sống phải khéo điều hòa, nếu nặng bên nào cũng thất bại cả. Vợ chồng trái nhau, không giống nhau, nhưng đừng để bên nào thiệt thòi mà phải có cuộc sống vừa phải, không nên vì được phần mình mà mất lòng người thì gia đình tan nát. Do đó chúng ta phải có cuộc sống hết sức khéo léo và đừng bao giờ chủ quan. Nhất là bên nam hay chủ quan ta là phải mạnh, cái gì cũng bắt phải yếu tuân theo, đó là điều không tốt, không khéo điều hòa. Đã không khéo điều hòa thì mầm đau khổ sẽ nảy sinh, nên đừng để bên nào bị thiệt thòi thì cuộc sống mới đi tới chỗ tốt đẹp, an vui, hạnh phúc.

Nhưng hạnh phúc trong cuộc đời chỉ là hạnh phúc gượng gạo, chớ không phải hạnh phúc thật. Vì hạnh phúc ấy được kết hợp bởi hai thứ không giống nhau thì làm sao trường cửu được. Chẳng qua gượng điều hòa nên cuộc sống tạm an ổn, tạm vui, chớ không có hạnh phúc nào hoàn toàn như ý hết. Kể cả ông vua cũng không như ý nữa, bởi vì vua cũng có người chống, người phản lại chớ đâu phải ai cũng nghe theo. Vì vậy chúng ta phải điều hòa để cho cuộc sống được tốt đẹp. Như vì nồi cơm chúng ta phải điều hòa lửa, nước. Nhờ có điều hòa nước, lửa nên chúng ta có cơm ăn ngon. Cũng vậy, trong cuộc sống khéo điều hòa thì gia đình hạnh phúc, vợ chồng vui, con cái tốt. Đừng bao giờ nghĩ tưởng dùng thế mạnh đàn áp người ta phải theo mình. Bởi vì khi người ta bị đàn áp họ phải tuân theo, nhưng trong lòng họ không phục, thế nào có lúc họ cũng phản ứng lại thôi. Cho nên khéo điều hòa quân binh thì mới tốt, mới là người sống khôn ngoan. Còn mình giỏi, mình khôn rồi bắt người ta cũng theo mình thì đó là chưa thật khôn ngoan. Đây là chuyện mâu thuẫn và điều hòa giữa con người, gia đình, xã hội. Tôi nói điều hòa, vậy điều hòa bằng cách nào?

Phật dạy, muốn điều hòa phải tập hai đức tánh: nhẫn nhục và hỷ xả, tức là thế gian nói nhẫn nhịn và tha thứ. Muốn nhẫn nhịn và tha thứ thì trước tiên chúng ta phải có cái nhìn thật đạo lý. Có lần tôi được hỏi rằng: Thầy làm Phật sự có gặp những trở ngại do người khác tạo ra không? Tôi nói: Có! Hỏi: Như vậy thầy nghĩ sao về người gây trở ngại cho thầy? Tôi trả lời: Trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm thôi.

Nhìn cuộc đời phải như vậy. Những người đã thông cảm thì tốt với mình, còn những người tuy chưa thông cảm nhưng họ cũng là bạn, chớ không có thù. Như vậy trong gia đình, vợ chồng chẳng lẽ coi nhau như kẻ thù. Nếu có việc vui buồn xảy ra thì cũng nghĩ rằng đây là người bạn chưa được thông cảm, rồi sẽ tìm cách thông cảm, chớ đừng bao giờ coi như kẻ thù. Chẳng những trong gia đình mà kể cả mọi người bên ngoài, chúng ta phải có cái nhìn cởi mở, thương yêu. Có thể mới giải quyết được nỗi khổ của con người. Trên thế gian này tràn trề đau khổ bởi vì người mạnh cứ nghĩ mình là hơn, rất cuộc là gây đau khổ hoài. Hiểu được chúng ta mới thấy rằng sống để đem lại an vui cho mình, cho người. Muốn được như vậy thì mình đừng xem ai là kẻ thù hết. Đó là chúng ta biết sống, chúng ta khéo léo.

Quý Phật tử cũng thấy, bao nhiêu năm rồi, người thì phê bình thế này, kẻ thì mắng nhiếc thế kia mà tôi cũng cười thôi. Ai làm gì làm, vì họ chưa thông cảm, những người bạn chưa thông cảm; nói gì thì nói, lâu rồi họ cũng thông cảm. Chớ nghe liền nổi tức la lối với nhau, rồi cuộc đời thành một đám cãi lộn, không có đạo đức gì hết.

Làm sao trong cuộc sống ở gia đình chồng vợ biết nhìn nhau như vậy. Vợ chồng là bạn nên cần hòa vui, còn nếu chưa thông cảm thì là người bạn chưa thông cảm, chớ đừng bao giờ nghĩ là kẻ thù. Nếu thấy là kẻ thù thì dễ đi đến chỗ vỡ tan nát.

Đó là lẽ thật, cuộc sống từ cá nhân, gia đình cho tới tập thể, không bao giờ hoàn toàn đúng theo ý mình, được chừng sáu mươi đến bảy mươi phần trăm là tốt lắm rồi, chớ đừng đòi hỏi phải như ý hết. Những người đòi hỏi như vậy là hiểu sai lầm, không đúng lẽ thật. Bây giờ làm sao để thấy người xung quanh chúng ta là bạn? - Phải tập nhẫn nhịn. Bởi vì con người ai cũng có sẵn "ác tâm sở" là nóng giận, đần độn đần bà ai cũng biết giận. Khi mình nổi giận nói lời không phải thì người khác cũng nổi giận nói lời không phải. Vậy thì làm sao? Cái phải về mình hết hay mỗi bên nhường một chút. Chúng ta có tật hay cãi lý. Cãi cho ra lý mà lý nó không có thật, thường thường lẽ phải ở kẻ mạnh chớ không thật lý. Cho nên đừng đòi hỏi lẽ thật, chỉ có ai mạnh, ai được nhiều người bênh vực thì người đó phải. Còn ai yếu, ít người bênh vực thì không phải. Ở đời là như vậy thôi.

Thời nay người ta dùng "lá thăm", dù người không hay lắm nhưng được lòng thiên hạ thì cũng được "thăm", còn người dù cho hay mà thiên hạ không hiểu cũng không được "thăm" như thường. Đừng cho rằng những gì hay, những gì phải thì sẽ được. Chỉ khéo được nhiều người mến, được nhiều người ủng hộ, hoặc đưa ra những gì đúng với sở nguyện của họ thì họ hưởng ứng, họ theo mình.

Ngược lại dù có đưa ý kiến đúng mà họ không muốn thì họ cũng không theo như thường. Như vậy không hẳn nhiều người khen là lẽ phải. Lâu nay chúng ta cứ ngỡ rằng được nhiều người chấp nhận, đó là lẽ phải. Không phải như vậy. Lẽ phải chân thật cần người có nhận định thật sâu, chớ không phải thường. Được phần đông quần chúng theo thì trong đó đa số là những người xu hướng thôi.

Chỉ chúng ta tùy thuận với nhau, nhường nhịn nhau để mà sống. Đừng nói việc này phải, ai làm khác thì sát phạt họ, nghĩ như vậy là không được. Người chồng thấy mình phải, người vợ cũng thấy mình phải rồi đòi sát phạt nhau. Như vậy là có hai quan tài rồi. Trong cuộc sống, chúng ta phải một phần, người kia phải một phần, thôi thì nhường nhịn nhau cho nó tốt đẹp, đó là hạnh nhẫn nhục của đạo Phật.

Nhưng nếu nhịn nhau mà không tha thứ, cứ nhớ lỗi người ta hoài thì điều hòa được chưa? Hôm nay nhịn chớ mai mốt gặp việc cũng bùng nổ nữa. Đó là căn bệnh người ta hay chứa trong lòng. Có ai làm phật lòng lần đầu rán nhịn, mai mốt gặp nữa thì nói tới nhịn lần thứ hai rồi nghe. Như vậy không phải là điều hòa thật. Chúng ta nhịn thì phải bỏ qua luôn, đừng nhắc tới nhắc lui. Nhịn mà không chịu quên cứ nhắc hoài. Nhắc hoài thì người kia cũng sân lên, rồi cuộc không ai nhịn ai cả.

Vì vậy mong quý Phật tử khéo nhẫn nhịn với nhau. Qua sự nhẫn nhịn đó chúng ta còn phải hỷ xả, nghĩa là vui mà bỏ chớ đừng gượng bó. Bởi vì chẳng qua đều do khờ dại nên ta mới cãi vã với nhau. Biết rồi thì bỏ hết đừng thêm giận hờn gì nữa. Chớ còn nghĩ mình phải, kia quấy rồi ôm ấp, mai mốt gặp việc cãi lại nữa, rồi cuộc không hết khổ đau.

Phương pháp nhẫn nhịn sẽ đưa chúng ta tới chỗ an ổn. Nhẫn nhịn là khéo léo điều hòa ngọn lửa, đừng để nước dập tắt lửa, cũng đừng để lửa đốt cạn nước. Ở gia đình, vì con cái nên vợ chồng nhường nhịn nhau. Ngoài xã hội, vì một lý tưởng nào đó mà người ta phải nhịn nhau. Trong đạo thì vì đạo đức cao thượng nên nhường nhịn nhau, tha thứ nhau. Nhờ thế mà gia đình, tập thể mới thật có an ổn, thật có vui tươi. Nếu không như vậy thì chẳng bao giờ có niềm vui được. Chồng với vợ gặp nhau gượng nói chuyện chớ trong bụng không ai ưa ai, thì đó là nỗi khổ lớn nhất trong gia đình. Ngoài xã hội cũng thế.

Do biết cuộc đời là mâu thuẫn nên chúng ta phải điều hòa bằng hai hạnh: hạnh nhẫn nhục và hạnh hỷ xả. Muốn được nhẫn nhục, hỷ xả, trước phải có tâm từ bi, thấy tất cả là bạn, không có ai thù. Ba điều đó từ bi là trước, rồi nhịn sau, tha thứ nhau. Không có từ bi thì không thể có nhẫn nhịn và tha thứ được. Cứ cho người làm trái ý mình là kẻ thù

thì không bao giờ chúng ta nương nhịn. Cho nên đừng thấy ai là kẻ thù cả, chỉ có bạn đã thông cảm và chưa thông cảm. Đó là tâm từ bi. Chính do tâm từ bi nên chúng ta mới nương nhịn, tha thứ nhau được. Chúng ta ứng dụng giáo lý của Phật trong cuộc sống thì mình sống vừa có đạo đức, vừa được an vui trong gia đình.

Đó là ba điều kiện để chúng ta điều hòa sự mâu thuẫn. Tuy khó nhưng chúng ta phải ráng ứng dụng trong cuộc sống, nếu không ắt sẽ chịu khổ thôi. Hiểu được vậy chúng ta mới biết sống và sống có hạnh phúc, chớ đừng tranh phải quấy hơn thua thì không bao giờ hạnh phúc. Đó là lẽ thật.

Tóm lại, muốn cho sự sống tốt đẹp bình yên thì phải đủ ba điều kiện: từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả. Nói theo thể gian là tình thương, nhẫn nhịn và tha thứ. Điều cấm kỵ nhất là đừng bao giờ ôm ấp ảo tưởng rằng ai cũng từng phục ta, chịu theo ý muốn của ta hết. Đó là lầm to.

Kinh nghiệm trong cuộc sống đã cho thấy, tôi sống chung quanh năm sáu trăm Tăng Ni, không bao giờ tôi dám ảo tưởng rằng ai cũng giống hết tôi và tôi nói ai cũng nghe. Có những điều họ nói không vừa ý tôi, nhưng rồi tôi cũng bỏ qua, không có buồn. Chớ nếu mỗi chút mỗi buồn thì chắc tôi chết sớm lắm. Thôi thì việc gì cũng bỏ qua, miễn họ tu được là tốt.

Vì vậy quý Phật tử nhớ, vợ chồng có gì trái ý nhau nên bỏ qua, miễn gia đình bình yên, con cái học hành đàng hoàng, khôn lớn nên người là được rồi, những gì riêng tư thì bỏ qua hết. Vì việc chung nên bỏ cái riêng thì sẽ được an ổn. Ở trong gia đình chẳng những vợ chồng không giống nhau mà cha mẹ, con cái cũng không giống nhau. Muốn được bình yên vui vẻ thì trên dưới cũng phải điều hòa. Cái khổ là cha mẹ không bao giờ nhịn con. Con có chịu nhịn hay không chịu nhịn cha mẹ thôi, chớ cha mẹ không bao giờ nhịn con, mà chắc gì cha mẹ đã trừng một trăm phần trăm. Bởi vì người ta cứ cho rằng cha mẹ sanh ra con cái nên cha mẹ là bề trên, con cái không có quyền cãi. Nhưng thật ra cha mẹ sanh là sanh thân thể thôi, chớ đâu có sanh được tâm hồn. Tâm hồn con cũng có cái hay riêng của con nên cha mẹ cũng phải nhịn. Như tôi là thầy, đâu thể nhịn trò, nhưng có khi thầy cũng bỏ qua. Bỏ qua tức là nhịn rồi. Nhờ vậy tôi điều hòa được mấy trăm người, chớ nếu bắt như mình mà người ta không được như mình, rồi đuổi đi hết thì thôi, chắc tôi cũng sống một mình tôi. Hiểu được như vậy mới thấy nhờ chúng ta khéo điều hòa nên mọi việc được tốt đẹp. Đây là phương pháp thứ nhất, phương pháp tương đối.

Bây giờ tới phương pháp thứ hai là phương pháp tuyệt đối, phương pháp này ít người thực hiện

được. Bởi vì khi nào chúng ta dẹp được tâm đối đãi của mình; tâm sở thiện, tâm sở ác hết thì chừng đó hoàn toàn khỏi nhẫn nhịn, khỏi tha thứ gì cả. Nên nói tuyệt đối là vậy. Cũng như Lục tổ Huệ Năng bảo Thượng tọa Huệ Minh: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?”. Ngay câu nói này Huệ Minh liền nhận ra bản lai diện mục của mình. Bản lai diện mục đó không có hai bên, mà không có hai bên thì đâu còn mâu thuẫn. Không còn mâu thuẫn mới là vĩnh viễn an lành. Đây chính là mục đích Phật nhắm đến để dạy chúng ta tu đạt được giải thoát viên mãn.

Cũng như trong Tín Tâm Minh, tổ Tăng Xán nói: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm”. Tín mình có cái tâm chân thật thì không còn hai. Không còn hai thì mới tin được tâm chân thật của mình, còn thiện tâm sở và ác tâm sở không phải thật tâm của mình. Một nhóm tham lam và một nhóm hiền lành, hai nhóm đó lằng xuồng thì mới hiển bày tâm chân thật của mình. Được tâm chân thật rồi thì cười hoài, không cần nhẫn nhịn, không cần tha thứ gì nữa. Nhưng nếu hai thứ đó còn thì phải từ bi, nhẫn nhịn, hỷ xả cuộc sống mới yên. Chừng nào chúng ta thoát qua hai thứ đó mới được an ổn vĩnh viễn. Quý vị thấy Tổ thứ ba, Tổ thứ sáu đều dạy chúng ta bỏ hai thứ đó. Bây giờ gần nhất là tổ Trúc Lâm, Ngài có bài kệ “Hữu cú vô cú”, tức là “Câu có câu không”. Người còn thấy có, thấy không là còn thấy hai. Tôi tạm dẫn vài câu trong bài kệ ấy:

Hữu cú, vô cú

Tự cổ, tự kim

Chấp chỉ vọng nguyệt

Bình địa lục trầm ...

Nghĩa là thấy có thấy không, từ xưa đến nay, như người chấp ngón tay mà quên mặt trăng. Ngón tay chỉ mặt trăng mà cứ cho là mặt trăng chính tại đầu ngón tay. Đó là kẻ ngu xuẩn. Phải bỏ ngón tay mới thấy mặt trăng ở trên kia. “Bình địa lục trầm”, tức là trên đất bằng mà chết chìm, đây là chỉ cho những kẻ quá ngu xuẩn. Còn hai bên là còn đau khổ, còn ngu xuẩn. Chừng nào hết hai bên mới được tự tại, an lành. Nên phải hiểu quý thầy dạy Phật tử tu, ngồi thiền để làm gì? Để bỏ cái tâm chạy theo hai bên đó. Ngồi thiền thì nghĩ ác, nghĩ lành gì cũng bỏ hết để đi tới chỗ không còn hai, khi đó mới hoàn toàn giải thoát. Còn có hai thì không bao giờ giải thoát được. Do đó chúng ta mới hiểu ý nghĩa tại sao mình phải ngồi thiền, tại sao mình bỏ hết tất cả vọng tưởng thiện, ác. Bởi vì còn thiện tức là còn ác đối đãi, vì vậy phải buông cả hai thì tâm mới yên. Tâm yên đó mới là tâm chân thật, còn tâm nghĩ thiện nghĩ ác v.v... chưa phải là tâm thật. Lâu nay chúng ta cứ tưởng nó thật, giống như ngón tay chỉ mặt trăng mà chúng ta cứ cho đầu ngón tay là mặt

trắng. Không ngờ bỏ đầu ngón tay, nhìn tận chân trời mới thấy mặt trăng, người tu phải khôn ngoan ở chỗ này. Bởi vì tu là siêu thoát. Siêu thoát nghĩa là không kẹt trong đối đãi. Không đối đãi thì qua được các thứ mâu thuẫn khổ đau, hoàn toàn an lành tự tại, cho nên mục đích cuối cùng của người tu Phật là không còn thấy hai. Được vậy thì tự nhiên hết mâu thuẫn, không còn gì mà chống đối.

Song nếu người chưa qua khỏi hai bên thì phải tập tu từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả thì cuộc sống mới yên lành. Bước đầu quý Phật tử nên tập từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả trước cho cái mâu thuẫn trong mình được điều hòa, cuộc sống được bình an. Lấy đây làm bài học thì có thể nói nghe kêu một chút là có “một triết lý sống”. Vì lâu nay Phật tử sống mà không biết sống làm sao, cho nên ai cũng nuôi cực đoan trong mình rồi mang lấy đau khổ, kêu trời trách đất hoài. Nếu biết được lẽ sống như vậy thì cuộc sống rất bình an. Nếu vượt qua luôn sự đối đãi thì thành Thánh mất rồi, không nói Thánh cũng là Thánh, có việc gì phải buồn. Chúng ta còn thương người làm lành thì ghét người làm ác, cho nên còn có hai tức là còn đối chọi. Chỉ khi nào qua được hai bên mới hết mâu thuẫn. Ý nghĩa của đạo Phật cao siêu là vậy.

Buổi nói chuyện hôm nay nếu Phật tử ứng dụng được trong cuộc sống thì thật là hay, bằng ngược lại thì học Phật bao nhiêu cũng chẳng có ích lợi gì. Quý vị hãy nhớ câu này: “Trước mặt không có kẻ thù” thì cuộc sống được an lạc nhiều rồi đó. Đạo lý thật hay, nhưng đôi khi tôi thấy rất buồn vì kể cả người tu cũng không thực hành nổi, cứ thù người này, giận người kia. Người tu mà nói giận người này, thù người kia thì chưa phải người tu. Người hiểu thấu đáo cuộc sống rồi thì chỉ cười thôi, không có gì quan trọng hết. Khi đặt vấn đề quan trọng, có người hưởng ứng với mình thì là bạn, không hưởng ứng trở thành thù. Cứ mãi như vậy thì phải chịu đau khổ thôi.

Có nhiều người hỏi tôi: “Thầy có thuật gì mà điều hòa mấy trăm Tăng, Ni và nhất là bên Ni?” Tôi nói: “Ai đến thưa kiện người này sai, người kia trái, tôi đâu có xử. Tôi bảo: thấy người ta quấy thì mình cũng đã quấy rồi. Nhờ vậy không ai dám đến thưa kiện nữa. Quý Phật tử có thấy thật tình là như vậy không? Vì chưa bao giờ hai người cãi nhau mà có người chịu mình quấy cả, nhưng làm sao cả hai đều phải được, cho nên thấy người quấy là mình đã quấy trước. Không quấy thì không cãi, mà cãi thì đã quấy. Đây là kinh nghiệm, từ kinh nghiệm sống cho đến tu tập Phật dạy rất nhiều, nhưng trọng tâm đều nằm ở những điểm đó. Nhiều vị sau này giảng một bài pháp dài mênh mông mà chỉ toàn lý thuyết suông thì không đi tới đâu hết, phải có thuật sống để cho người biết mà noi theo.

Điểm ưu việt của Phật giáo đời Trần chính là chủ trương Tam giáo đồng nguyên. Thiện tông dung hợp chứ không thấy đây khác kia để rồi đi đến chống chọi nhau. Do đó người trong nước theo đạo Lão, đạo Khổng không chống với đạo Phật. Nhờ ba tôn giáo hòa nhau nên dân mạnh, đó là điểm rất hay.

Tóm lại, mục đích buổi nói chuyện hôm nay hết sức rõ ràng, tôi mong quý Phật tử nghe rồi áp dụng những điều tôi nói vào cuộc sống cho khéo, cho đầy đủ ý nghĩa, mới thấy niềm vui hiện tại - sống là vui.



PHÁP PHẬT LÀ THUỐC TRỊ TÂM BỆNH CỦA CHÚNG SANH

Nói chuyện với đoàn Bác sĩ Phật tử Thành phố Hồ Chí Minh

- ngày 08-01-2000

Trong kinh Phật dạy pháp của Phật là những phương thuốc trị tâm bệnh cho chúng sanh. Chúng sanh có tám muôn bốn ngàn phiền não, thì Phật có tám muôn bốn ngàn pháp môn. Như vậy mỗi pháp của Phật trị mỗi bệnh của chúng sanh. Nếu chúng sanh có bệnh, biết rõ bệnh của mình, lấy pháp của Phật trị thì bệnh sẽ lành. Còn người có bệnh mà không biết thì chịu thua, hoặc biết bệnh nhưng không biết thuốc cũng không dùng được.

Như vậy pháp Phật là pháp trị bệnh cho chúng sanh. Thế nhưng pháp Phật đã có hai ngàn năm trăm mấy chục năm rồi, mà bệnh chúng sanh cũng không hết, bởi vì chúng sanh nhiều bệnh quá.

Như chúng ta đã biết, sau khi đức Phật giác ngộ dưới cội bồ-đề rồi, Ngài tìm đến năm anh em ông Kiều Trần Như để hóa độ. Bài pháp đầu tiên Phật nói là Tứ Diệu Đế. Tứ Diệu Đế chia ra hai phần, một phần chỉ ra sự đau khổ, một phần dạy cách diệt đau khổ.

Về phần đau khổ, Phật chỉ thân này chứa đựng bao nhiêu sự đau khổ, nên có thân là có khổ. Vậy cái khổ đó ai đặt ra, từ đâu đến? Đức Phật bảo cái khổ đó có nguyên nhân. Nguyên nhân đó là gì? Gọi là Tập. Như vậy khổ là một lẽ thật, nguyên nhân tạo khổ cũng là một lẽ thật. Vì vậy nên nói Khổ đế, Tập đế.

Khổ đã không phải ngẫu nhiên đến mà có nguyên nhân. Vậy khi biết nguyên nhân rồi muốn cho hết khổ thì phải tiêu diệt nguyên nhân gây khổ. Tiêu diệt được nguyên nhân gây khổ thì sẽ hết khổ.

Nhưng muốn tiêu diệt nguyên nhân đau khổ không thể nói suông, mà phải có phương pháp. Cũng như thầy thuốc biết bệnh đang hành, bệnh nhân đang khổ, thì phải truy nguyên tìm ra vi trùng gây bệnh. Biết chính xác vi trùng rồi thì phải diệt vi trùng, diệt vi trùng xong mới hết bệnh. Nhưng nói diệt vi trùng suông thôi thì không được, phải có phương thuốc cụ thể, mới diệt hết vi trùng.

Cũng vậy, Phật dạy tất cả khổ của chúng sanh đều có nguyên nhân. Nếu chúng ta tra cứu biết rõ nguyên nhân rồi thì phải tiêu diệt nó, muốn tiêu diệt nó phải có phương pháp. Nên Phật nói Khổ đế là quả, Tập đế là nhân. Diệt đế là diệt hết nhân khổ. Muốn diệt hết nhân khổ phải có phương pháp, phương pháp đó là Đạo đế. Có phương pháp mới dùng phương pháp ấy diệt hết nguyên nhân đau khổ. Do đó, Diệt đế là quả giải thoát, còn nhân của quả giải thoát là Đạo đế, tức phương pháp diệt khổ.

Đức Phật dạy chúng sanh đâu khác gì việc của các thầy thuốc đang làm. Nên đạo Phật rất thực tế, không nói chuyện viển vông xa vời gì hết. Ai có bệnh chỉ cần dùng thuốc đúng thì trị lành bệnh. Trị lành bệnh là hết khổ, nên nói đạo Phật là đạo cứu khổ chúng sanh.

Ở thế gian, thầy thuốc trị về thân bệnh. Trong đạo, Phật trị tâm bệnh. Giữa hai việc điều trị đó, việc nào quan trọng hơn? Điều trị tâm bệnh quan trọng hơn. Bởi vì dù thầy thuốc hay mấy, biết bệnh nhân đang bị đau tim, hay đau phổi. Thầy thuốc có thuốc nhưng người bệnh cứ rầu, cứ buồn, thì trị nổi không? Không nổi. Vì tâm người bệnh không an, không vui thì điều trị khó lành. Vì vậy nên tâm bệnh rất là hệ trọng. Nếu thầy thuốc có được hai phương thuốc, một trị thân bệnh, một trị tâm bệnh thì hay biết mấy. Trị như vậy mới toàn hảo, còn chỉ một phần thì chưa được.

Để trị tâm bệnh Phật dạy những pháp để tiêu trừ nguyên nhân sanh ra bệnh. Bệnh của chúng sanh tới tám muôn bốn ngàn, pháp của Phật cũng có tới tám muôn bốn ngàn. Nhưng nói về cội gốc của bệnh, thì có sáu thứ căn bản phiền não. Trước khi nói pháp trị bệnh chúng ta cần phải biết các thứ bệnh. Bệnh tình đó đang thế nào, muốn giới thiệu thuốc thì phải biết hậu quả hay hiện trạng bệnh đang hoành hành ra sao.

Bây giờ thử nghiệm lại tất cả chúng ta trong hiện đời khổ hay vui? Nếu vui thì không có bệnh, không bệnh thì cần gì thuốc. Nếu có bệnh mới tìm nguyên nhân gây bệnh và trị bằng cách nào. Trong nhà Phật nói con người bị bốn, hoặc tám thứ khổ vậy hăm, không ai thoát khỏi. Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, có ai khỏi đâu? Như vậy quả thật chúng ta là bệnh nhân rồi. Ngoài ra còn áy biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm xí

thạnh khổ. Nghĩa là thương yêu xa lìa khổ, oán thù mà gặp mặt hoài khổ, mong muốn không được khổ, thân này tự bại hoại không an khổ. Kiểm lại trong tám thứ khổ chúng ta đều có đủ. Rõ ràng xác định được chúng ta là bệnh nhân rồi, thì mới nói tới trị liệu.

Muốn trị bệnh thì phải phải tìm nguyên nhân. Nguyên nhân nào sanh ra những thứ khổ đó. Phật nói nhiều lắm nhưng ở đây tôi chỉ kể sáu thứ: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Vì có nhân này nên có quả kia. Thí dụ như tham, căn bản là tham sống. Có người nào không tham sống sợ chết đâu? Nhưng rồi cũng phải chết, bởi vậy nên khổ. Bây giờ mình hết tham sống thì không sợ chết. Mà không sợ chết thì đâu còn khổ.

Từ tham sanh bao nhiêu thứ khổ. Đức Phật chia ra hai thứ: một là tham về ngũ dục, hai là ngũ trần. Tham ngũ dục là: tài, sắc, danh, thực, thù. Tài là tiền của, sắc là sắc đẹp, danh là danh vọng, thực là ăn uống, thù là ngủ nghỉ, năm cái này để cho mình tham. Từ những tâm tham này sanh ra các thứ khổ kia. Vậy chúng ta phải lấy thuốc gì để trị vi trùng tham.

Tham tài phải lấy hai thứ thuốc hòa hợp lại trị. Thuốc thứ nhất là “bố thí”, thuốc thứ hai là “vô thường”. Phật dạy tất cả tài sản của chúng ta bị năm nhà cướp lấy. Năm nhà là gì: 1- Nước lụt, 2- Trộm cướp, 3- Con bất hiếu, 4- Lửa cháy, 5- Vua chúa hay quan quyền tìm cách cưỡng đoạt.

Như chúng ta chứng kiến nạn lụt miền Trung vừa rồi, bao nhiêu năm dành dụm chỉ một cơn lũ là cuốn sạch, không còn gì cả. Như vậy tài sản của chúng ta có bảo đảm đâu, nên Phật nói nó thuộc về năm nhà. Nếu không bị lụt, có khi bị cháy cũng rụi. Không cháy thì bị trộm cướp, không bị trộm cướp thì con bất hiếu phá hết sự nghiệp. Không bị con cái thì gặp những thế lực bên ngoài cưỡng bức cướp lấy.

Tuy nói tiền bạc của cải của mình nhưng không bảo đảm giữ được lâu dài, như vậy tham để làm gì? Nghĩ đến lý vô thường chúng ta bớt tham. Bớt tham thì bớt khổ. Con người thường có bệnh hễ tiền của trong tay thì được một đời hai, được hai đời bốn, muốn thêm hoài. Ở đây Phật dạy phải xả, phải bố thí. Nên nghĩ chúng ta có bao nhiêu đủ ăn rồi, phần dư bố thí cho người. Như vậy là bớt lòng tham. Nếu người dư dả đem bố thí, vì biết rằng của cải giữ không được, không có tâm gom góp, keo xèn là đã trị được bệnh tham tài. Rõ ràng có bệnh thì có thuốc. Biết được nguyên nhân vì tham tài, mà cầu bất đắc nên khổ. Muốn nhiều của nhưng muốn hoài không được thì khổ. Bây giờ mình đem ra bố thí tức không cần giữ gìn nữa thì đâu còn lòng tham. Mà không tham thì đâu có khổ.

Người tham sắc Phật dạy dùng thuốc “quán bất tịnh” để trị. Bởi vì khi tham sắc thì thấy người đẹp, tự nhiên chúng ta nghĩ ngợi người đó đẹp thế này, người đó quý, sang thế nọ v.v... Ngược lại nếu chúng ta quán thân mình bản thủ không ra gì, thân mọi người cũng vậy. Quán đến khi mình gớm thân mình, thì thân người khác mình cũng gớm luôn. Mà gớm thì hết tham. Đó là cách trị bệnh tham sắc.

Đến tham danh phải dùng pháp quán “vô thường”. Bởi vì mọi thứ trên đời này được rồi sẽ mất. Thí dụ như người ứng cử Tổng Thống được đắc cử, thì bốn năm năm cũng hết nhiệm kỳ, có còn mãi đâu ? Bởi nó không bền, vì vậy phải quán vô thường, quán nó là khổ hai thứ hòa hợp. Khi chưa được danh vì lo lắng chạy chọt đủ thứ đã là khổ. Khi được rồi lo nó mất lại khổ nữa. Nếu thật sự nó mất thì càng buồn. Cho nên quán tham danh gốc là khổ đau. Người không hiểu danh dù được mời gọi cũng không muốn. Nếu có làm việc gì thì vì tất cả lợi ích chung chứ không vì danh vị của mình. Đã vì tất cả lợi ích chung thì được không mừng, mất cũng không lo, như vậy mới không khổ.

Đến việc tham ăn (thực) cũng là gốc của khổ. Phải dùng hai thứ thuốc “vô thường” và “bất tịnh” hòa lại. Thức ăn khi còn ở miệng thì quý, nhưng nuốt qua khỏi cổ rồi thì hết quý. Đã sử nó không chịu vào mà ọ ra thì có gớm không ? Như vậy nó quý khi còn ở ngoài. Nuốt vô rồi nó trở thành dơ, đâu phải là quý. Tại vì chúng ta cứ mê say nên cho là quý. Nếu thấy nhớ nhớp thì đâu có tham. Lại một điều nữa, thức ăn ngon được bao lâu ? Chỉ một hai phút ở trong lưỡi trong miệng thôi, qua khỏi cổ thì hết ngon rồi, nên nó tạm bợ vô thường, tham làm gì. Xét như vậy thì bớt được tham ăn.

Tới bệnh tham ngủ. Nhà Phật dạy muốn trừ bệnh tham ngủ phải dùng thuốc “vô thường”, thuốc “tinh tấn” hòa lại. Nên nghĩ mạng sống này không bao lâu, không có gì bảo đảm. Giờ nào còn sống thì mừng giờ đó, qua giờ khác thì không thể biết được. Vì thân này rất mỏng manh, rất tạm bợ. Nên chúng ta hiện sống, có những việc nên làm đáng làm, mà không lo làm, cứ nằm ngủ hoài. Nhà Phật dùng câu: “Cần tu như lửa cháy đầu”, nếu đốt lửa rơi trên đầu thì chúng ta chần chờ hay phải ngay. Vô thường đến bất kể lúc nào, chúng ta không thể lường trước được. Vì vậy giờ nào còn sống, còn khỏe thì nên làm tất cả những gì có thể làm, chứ không bỏ trôi ngày giờ lãng phí một cách vô ích.

Như vậy vừa quán vô thường, vừa tinh tấn thì trừ được bệnh tham ngủ. Nên tôi thường nói với Tăng, Ni muốn trị bệnh tham ngủ thì phải dùng cây roi tinh tấn mà đánh cho nó thức.

Như vậy là trị năm thứ ngũ dục bằng năm thứ thuốc rồi. Ở đây tôi không nói ngũ trần vì ngũ trần cũng anh em với ngũ dục vậy thôi.

Qua sáu thứ căn bản phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Bệnh tham đã có mấy bài thuốc ở trên rồi, đến đây khỏi phải nhắc lại. Kế bệnh sân, thì trị bằng hai thứ thuốc “từ bi” và “nhẫn nhục”. Nhẫn nhục là giải quyết cấp thời, khi người ta làm trái ý, mình nổi sân lên liền phải nhẫn, buông xả đi thì gọi là nhẫn nhục. Buông xả đừng được cơn thịnh nộ rồi, nhưng lâu lâu nhớ lại cũng tức. Nghĩ rằng người ta nói bậy, làm bậy, mình mới giận. Nhưng nếu chúng ta biết nghĩ lại, tại vì ngu si nên họ làm quấy thật đáng thương. Nghĩ như vậy mới hết giận luôn, chứ còn đê nén, mai mốt nhớ lại giận nữa thì không được. Cho nên có thuốc nhẫn nhục mà không có thuốc từ bi thì cũng dễ tái phát. Có nhẫn nhục rồi phải có từ bi quán theo sau đó. Bởi vì nếu chúng ta có tình thương thì lỗi nhiều thấy ít, nếu không thương thì lỗi ít thấy nhiều, không thể thứ tha được. Vì vậy phải vừa nhẫn nhục, vừa quán từ bi mới trị hết bệnh nóng giận.

Đến si, tức si mê. Si mê có hai tầng bậc: Thứ nhất không biết gì là tội, gì là phước, gì là tà, gì là chánh, không phân biệt rành rẽ. Đó là si mê hạng thấp.

Tuy nhiên quý Phật tử thử xét lại xem thiện, ác chúng ta đã phân biệt rành chưa ? Đôi khi chúng ta tưởng như mình đã biết rất rành về thiện ác, nhưng có nhiều cái thiện mà thành ác, ngược lại ác lại thành thiện. Thí dụ cô giáo phật học trò lười, trốn học hoài thì thấy như ác. Nhưng nhờ phạt nó sợ cố gắng học, như vậy thì ác hay thiện ? Còn đã sử như kẻ ghiền á phiện bị ọ mưa, có người thấy vậy mua á phiện đưa cho họ hút, như vậy thiện hay ác ? Mới nhìn như thiện vì kẻ đang khổ, cho hút thì họ đỡ khổ, nhưng sự thật thì ác vì làm cho họ ghiền hoài. Nên nhiều việc mới nhìn thấy thiện, mà hậu quả lại ác hoặc ngược lại mới nhìn thấy ác nhưng hậu quả lại thiện. Vì vậy phân biệt thiện ác cũng không phải dễ, phải có trí tuệ mới có thể phân biệt được. Phân biệt được thiện ác mới phân biệt được tội phước. Cái gì tội, cái gì phước ? Nếu việc làm giúp ích được người lâu dài thì có phước. Còn việc làm trước mắt thấy như thiện mà tạo thành cái khổ cho người lâu dài thì trở thành ác. Như vậy thiện ác thật khó xử, khó giải quyết. Nhưng nếu chúng ta phân biệt được thiện ác thì tội phước mới không lầm lẫn.

Cũng vậy tà chánh, rất khó phân biệt. Có những trường hợp mới nghe như phải, như chánh, nhưng mà rốt cuộc lại tà. Như có người trong đạo Phật, rất cung kính Phật. Bởi quá cung kính nên tin đức Phật có đầy đủ vạn năng xin cái gì cũng được. Vì vậy mỗi khi có tai nạn hoặc gặp vui buồn cứ đến xin Phật cầu Phật. Quan niệm như vậy là đã thành tà.

Cung kính Phật tại sao lại tà, đó là vấn đề mà đôi khi Phật tử chúng ta không nhận ra. Đức Phật từng tuyên bố “ta không có quyền ban phước giáng họa cho ai”. Vậy chúng ta xin Phật cho hết tai họa thì có ngược lại lời Ngài nói không ? Phật dạy một đàng, chúng ta làm một ngả, không phải tà là gì ? Trong đạo, người mắc kẹt bệnh này rất nhiều. Tu thì không chịu tu mà cứ xin. Phật dạy dùng pháp để trị tâm bệnh mà chúng ta cứ xin là sao ? Có nhiều Phật tử nói tôi theo đạo Phật mười năm rồi, mà động tới thì phiền não đủ thứ. Tu mà không hết khổ thì đạo Phật vô hiệu, không giá trị. Như vậy kẻ ấy làm tăng giá trị đạo Phật hay làm giảm giá trị đạo Phật ? Việc này thật tế nhị. Quý Phật tử phải hiểu tin Phật là nên tin điều gì và không nên tin điều gì. Người ta cứ ỷ lại vào Phật, cầu mong Phật cho cái này cái nọ. Được như ý thì nói Phật linh, rủ nhau đi chùa. Nếu không được như ý thì Phật không linh. Bà Chúa Xứ linh hơn, đi xin Bà Chúa Xứ, thế là đã lạc vào đường tà.

Phật dạy chúng ta phương pháp tu, nếu có nóng giận nên tu pháp gì, đâu có cầu ai. Ứng dụng pháp Phật để tu thì phiền não giảm, đau khổ bớt. Như vậy Phật cứu khổ cho mình rồi. Cũng như thầy thuốc khám bệnh, cho thuốc, nhưng bệnh nhân không chịu uống. Vậy làm sao hết bệnh. Kẻ ấy thầy thuốc cũng chịu không có cách nào khác. Phật là thầy thuốc trị tâm bệnh cho chúng sanh. Nhưng chúng sanh không chịu dùng thuốc thì làm sao hết bệnh, nên theo đạo Phật mà vẫn tà như thường. Hiện nay có rất đông người theo đạo Phật như vậy.

Nhiều huynh đệ than phiền nói tôi tu mà cứ chỉ trích người này chỉ trích người kia. Vì tôi thấy việc tà mà không xây dựng, không chỉ dạy thì đối với Phật pháp tôi đã có tội rồi. Do đó muốn phân biệt tà chánh rất là khó.

Đó là chưa kể nhiều người tuyên bố mình là Bồ-tát tái thế để độ chúng sanh, hay họ tuyên bố có câu chú lá bùa trị lành tất cả bệnh. Quý Phật tử nghĩ sao, điều đó chánh hay tà ? Trong nhà Phật dạy không có vị Bồ-tát nào hiện thân ra đời mà vỗ ngực xưng tên ta là Bồ-tát cả. Bồ-tát đi lẫn trong quần chúng hành mật hạnh Bồ-tát. Nếu nói ta là Bồ-tát để được người cung kính lễ lạy thì làm sao hành hạnh Bồ-tát ? Chỉ như có người bệnh cần phải cõng đi bệnh viện thì Bồ-tát làm. Người gặp cảnh nghèo đói cần giúp thì Bồ-tát giúp thăm lặng, không hiện tướng khác người. Đôi khi vì thử người, Bồ-tát hiện thân thấp kém để thử người mến đạo. Nếu xưng Bồ-tát, mọi người đều quý kính hết thì làm được gì. Tự xưng Bồ-tát còn không phải hạnh Bồ-tát, huống nữa tự xưng Phật thì chúng ta bái không nên lại gần, vì đó là tà rồi.

Điểm kế nữa, người dạy tu mà bảo phải thề độc, nếu bỏ đạo sẽ bị đọa địa ngục v.v... Như vậy tà hay

chánh ? Chắc chắn là tà rồi. Bởi tà nên họ sợ người ta bỏ. Vì vậy bắt thề độc, lỡ vô rồi phải trung thành. Đó là tà giáo, nhiều Phật tử bị lầm đáng thương lắm.

Đức Phật dạy chúng ta qui y Phật thề tránh điều dữ nguyện làm việc lành, chớ không thề thốt gì hết. Lúc nào không muốn tu nữa thì thôi, không có chuyện hăm dọa bỏ đạo bị đọa địa ngục. Phân biệt tà chánh phải dùng trí tuệ. Muốn trị bệnh si mê thì vận dụng trí tuệ quán chiếu mới trị được. Bởi vì từ si mê người ta tạo đủ thứ nghiệp, chịu đủ thứ khổ. Nay muốn có trí tuệ chúng ta phải: Một học chánh pháp (hữu sư trí), hai tu thiền định (vô sư trí). Lấy trí tuệ dẹp si mê.

Phần thứ nhất tôi nói về si mê cạn, đến phần thứ hai tôi nói về si mê sâu. Si mê sâu là giả mà tưởng là thật, cái thật lại không biết. Như thân này giả mà chúng ta tưởng thật. Đó là si mê. Si mê sâu này rất nguy hiểm vì chấp giả làm thật, nên không bao giờ biết được cái thật. Đến tâm cũng chấp cái giả của tâm cho là tâm thật. Trong kinh Lăng Nghiêm, phần bảy chỗ hỏi tâm. Phật hỏi ngài A-nan:

- Cái gì là tâm của ông ?

Ngài A-nan trả lời:

- Bạch Thế Tôn cái hay suy nghĩ là tâm con.

Phật quở:

- Cái đó không phải tâm ông.

Ngài hoảng hốt hỏi Phật.

- Vậy con không có tâm sao ?

Phật nói:

- Ông có tâm, nhưng cái suy nghĩ đó không phải là tâm ông.

Phật liền dùng thí dụ chàng Diễn Nhã Đạt Đa đứng trước mặt gương soi mặt, thấy đầu mặt rõ ràng trong gương. Khi úp gương xuống đầu mặt mất. Ông ôm đầu chạy nói: “Tôi mất đầu rồi, tôi mất đầu rồi”. Tại sao ông ôm đầu chạy lại la mất đầu ? Tại chấp bóng cho là đầu thật, nên mất bóng liền ôm đầu thật chạy la mất đầu. Chúng ta cũng vậy, suy nghĩ phân biệt mà cho là tâm mình. Thật ra đó là duyên theo bóng, nghĩ về người thì có bóng người, nghĩ về vật có bóng vật. Nó lằng xằng nhưng tìm lại thì mất dạng. Không phải bóng là gì ? Khi không suy nghĩ, không tính toán gì hết, lặng yên, lúc đó có tâm mình không ? Tâm là cái biết, mắt thấy biết, tai nghe biết. Vậy mà chúng ta không bao giờ nhận cái đó, cứ nhận bóng dáng cho là mình. Như vậy chúng ta có giống Diễn Nhã Đạt Đa không, cứ chấp bóng là tâm mình. Chấp bóng là mình tức chấp tâm

giả cho là thật, thì không bao giờ thấy được tâm thật.

Nên biết, tại sao chúng ta phải tu thiền. Là để cái tâm tạm bợ bóng dáng đó lặng xuống, nếu theo nó liên tục thì làm gì thấy cái thật. Tôi thường ví dụ như cái gương, nhìn vào thấy có bóng người, bóng vật. Lúc đó chúng ta thấy mặt gương rõ không? Bởi mãi lo thấy bóng mà quên gương. Nếu khi không thấy bóng mới nhận ra mặt gương luôn trong sáng. Cũng vậy, tâm chúng ta luôn hiện tiền trong sáng. Nhưng chạy theo vọng tưởng thì quên tâm. Khi dừng được vọng tưởng, cũng như gương không có bóng, mặt gương hiện rõ ràng. Chúng ta tu thiền chủ yếu là vì thế.

Tâm theo cảnh là tâm tạo nghiệp, buồn thương giận ghét là mầm tạo nghiệp. Nếu không nghĩ ngợi lâng xăng thì có buồn thương giận ghét không? Tâm không buồn thương giận ghét đâu có sanh diệt. Không sanh diệt mới thật là cái chân thật của mình. Do đó si mê tầng thứ hai này rất sâu. Tầng thứ nhất vừa nói có thể biết liền, còn thứ si mê này thật thâm trầm, Phật gọi đó là vô minh.

Đối với si mê cạn thì chúng ta dùng trí tuệ hữu học phân biệt chánh, tà. Đối với si mê sâu chấp giả làm thật thì phải có công phu tu. Từ trí do huân tu mới nhận chân được lẽ thật. Đây là nhân giải thoát sanh tử.

Tóm lại, muốn trị bệnh si mê phải dùng thuốc trí tuệ và thiền định. Trí tuệ là trí hữu học, còn thiền định để tăng trí vô sự. Như chỉ thấp đèn mới phá được bóng tối. Nếu không như thế thì làm sao phá được phiền não. Cho nên người học Phật không có trí tuệ thì không làm sao phá được phiền não. Vì trí tuệ phá si mê. Mà si mê sanh ra phiền não. Si mê chấp thân, si mê chấp tâm v.v... Bao nhiêu khổ đau theo đó mà ra.

Đến bệnh mạn, tức ngã mạn. Tại sao chúng ta có bệnh khinh mạn hay ngã mạn này? Vì một là chấp thân, hai là chấp tâm. Thí dụ người đẹp, sang cả thì thấy ta hơn thiên hạ, hoặc người thông minh học giỏi cũng thấy ta hơn người. Từ hai thứ chấp thân chấp tâm, thân đẹp thì cho là quý, tâm lanh lợi thì cho là khôn ngoan, đó là bệnh ngạo mạn. Bệnh này phải dùng thuốc "vô ngã" để trị. Vô ngã có hai: Về thân thì do tứ đại hòa hợp. Về tâm thì tất cả suy nghĩ đều là vọng tưởng hư dối, có gì thật đâu mà chấp. Ta đã không thật mà trọng mình khinh người là điều vô lý. Nên dùng pháp quán vô ngã, thân tứ đại duyên hợp nên không có ngã thật, tâm cũng là bóng dáng của ngoại trần, nên cũng không thật, có gì là khôn có gì là hơn. Lấy vô ngã để phá ngã mạn, đó là thuốc trị bệnh mạn.

Đến nghi, thường nghi có hai loại: Trong nhà thiền hay nói "đa nghi đa ngộ" thì cái nghi này là nghi quý.

Còn nghi bệnh như: một là nghi mình, hai là nghi Tam Bảo. Nghi không biết Phật có thật không, pháp Phật dạy có đúng không, các thầy tu có thật không. Do nghi như vậy nên đối với Tam Bảo mất hết lòng tin. Kể, nghi mình tu không nổi. Đã nghi mình, nghi Tam Bảo thì làm sao tiến được. Cho nên muốn hết nghi phải lấy thuốc "chánh tín" để trị. Tức là lấy lòng tin. Lòng tin ở đây là từ trí tuệ mà có, chứ không phải tin mù quáng. Bởi tin có hai: Tin do trí tuệ gọi là chánh tín. Tin một cách mù quáng gọi là mê tín. Chữ tin này cần phải hiểu cho rõ ràng.

Dùng chánh tín tức là lòng tin chân chánh để dẹp cái nghi. Chánh tín là tin thế nào? Một: Tin Tam Bảo bằng trí tuệ, đức Phật có thật hay không, chúng ta phải tra khảo tìm hiểu cho rõ. Khi nào biết thật có đức Phật là con người tu hành thành đạo, tin được Phật rồi. Thứ hai là tin pháp của Phật. Pháp này đúng sự thật hay huyền hoặc sai với chân lý. Nếu đúng thì chúng ta mới tin pháp. Thứ ba là tin Tăng, những vị xuất gia tu theo Phật gồm có Tăng Ni. Các vị này có tu chân chánh hay không? Nghiệm xét thấy hoàn toàn chân chánh đúng với chánh pháp của Phật mới tin. Nhờ biết nhận định từ trí tuệ nên gọi là chánh tín. Vì vậy Phật dạy phải văn tự tu. Xét đủ rồi mới đủ lòng tin Tam Bảo. Tin Tam Bảo là tin tha, kể đến phải tự tín, tức là tin nơi mình. Tin chắc rằng mình có thể tu được. Nhờ tin như vậy nên mới cố gắng tu. Nếu không, chúng ta sẽ sợ mình ăn chay không nổi, ngồi thiền không nổi. Không tin mình thì không thể làm gì được, mặc dù tin Tam Bảo. Cho nên tin Tam Bảo còn phải tự tin nữa. Những việc Phật làm được chúng ta cũng làm được. Mình sẽ tu được, không thua ai. Lòng tự tin phải mãnh liệt như vậy. Tóm lại, lấy thuốc chánh tín để trị bệnh nghi ngờ.

Cuối cùng là ác kiến. Trong phần ác kiến có: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến. Ở đây, tôi chỉ nhấn mạnh phần tà kiến, bởi vì phần này rất tế nhị. Thường người ta nói tà là lệch là nghiêng. Kiến ở đây không phải thấy mà nhận định. Tà kiến nghĩa là nhận định một cách sai lầm. Thí dụ như nói chết là hết, hoặc cho rằng chết rồi, linh hồn vẫn còn hoài, A trở lại làm A, muôn kiếp vẫn là A thôi. Đây là tà kiến, vì một bên chấp đoạn kiến, một bên chấp thường kiến. Ngoài ra như chuyện đến núi Sam xin vay tiền Bà Chúa Xứ về làm ăn v.v... Đây là vừa thuộc về mê tín, vừa là tà kiến.

Nếu nói Bà Chúa Xứ linh thiêng, ai vay tiền Bà đều phát đạt hết thì từ Long Xuyên lên Châu Đốc mọi người phải giàu hết vì họ ở gần, dễ chạy lên vay. Nhưng thực tế xét kỹ từ Long Xuyên lên Châu Đốc hay vùng lân cận được bao nhiêu người giàu? Lẽ ra từ gần tới xa. Nhưng ở gần đã không ra gì thì ở xa làm sao xin được. Tin như vậy là tin nhầm nhí, tin tà kiến. Tà kiến ngay con người mình, cứ nghĩ

mình có linh hồn, mình chết rồi linh hồn còn nguyên trở lại làm người v.v... Nhà Phật gọi như thế là tà kiến, vì chấp thường kiến. Còn cho rằng chết là hết không có nhân quả báo ứng gì cả thì thuộc về đoạn kiến, cũng là tà kiến.

Trong đạo Phật không nói còn mãi, cũng không nói chết là hết. Quan trọng là phải làm sao nhận ra nơi con người mình phần nào sanh diệt, phần nào không sanh diệt. Nhận được như vậy rồi, phải làm sao cho phần không sanh diệt không bị phủ che. Còn trên mặt sanh diệt, nói còn hoài là sai, nói hết cũng sai. Bởi vì lâu nay người ta hay nói cái gì mất rồi là hết, nhưng sự thật không hết. Tất cả đều là một vòng chuyển biến tụ tán, tụ tán. Kể cả các hình thức nhỏ nhất như bụi đất v.v... Cục đất to đập nát thành bụi nhỏ, nhìn cục đất thì thấy mất, nhưng nó thành cát bụi chứ không mất, chỉ chuyển biến đổi hình đổi dạng thôi. Thân này cũng vậy khi hoại đất trả về đất, nước trả về nước, gió trả về gió, lửa trả về lửa chứ không mất, không hết. Vậy mà chúng ta thường nhận định sai lầm, chết là hết. Đó là tà kiến. Nên người Phật tử phải biết từ thể xác đến tinh thần đều tùy duyên. Chúng luân chuyển tụ nơi này tan nơi kia chứ không hết. Tùy duyên luân chuyển tức là luân hồi.

Biết rõ nguyên nhân tạo thành luân hồi như vậy mới có thể chặn đứng nó lại. Hiểu thế mới tu giải thoát sanh tử. Nhiều người nói tu để giải thoát sanh tử, nhưng hỏi giải thoát cái gì, làm sao giải thoát thì không biết. Nếu chấp thân sanh diệt là thân mình, chấp tâm sanh diệt là tâm mình, đó là tiếp tục tạo nghiệp luân hồi, không bao giờ dừng. Còn không chấp hai thứ đó mà sống được với cái chân thật không sanh diệt của mình thì không tạo nghiệp. Đó là giải thoát, không bị lôi cuốn đi trong sanh tử nữa.

Có người hiểu lầm đạo Phật, nói đạo Phật là đạo cứu khổ nhưng sao quý Thầy ít làm việc từ thiện hơn người tu đạo Chúa. Thầy chỉ giảng kinh như vậy thì cứu khổ chúng sanh chỗ nào? Bởi vì cái nhìn của đạo Phật khác đạo Chúa. Thí dụ như thấy đứa bé ra bãi biển vun cát làm núi non chơi, một lát sóng biển ào lên cuốn trôi mất hết, rồi nó tiếp tục làm nữa, cũng bị cuốn trôi mãi, như vậy tội nghiệp nó tổn công vô ích, sao không làm gì khác hay hơn.

Đây cũng vậy, nếu chúng ta còn luân hồi, bỏ thân này tụ lại thân khác kiếp kiếp đời đời không ra khỏi. Nên Phật nói không có khổ nào lớn bằng khổ luân hồi. Cuộc sống mấy chục năm ra gì, có thiếu, có đói cũng là tạm thời. Dài thì chết muộn, ngắn thì chết sớm, tất cả cũng phải chết, không ai thoát được. Như vậy điều đáng lo nhất là làm sao ngay nơi thân này đừng tiếp tục làm việc vô ích nữa. Chúng ta xét xem cứ mỗi lần sanh ra chết đi, ta làm được những gì cho người cho mình. Hay sanh ra lớn lên rồi già chết, đời này qua đời khác. Cứ như vậy hoài thật là

vô lý. Nên Phật nói đi trong luân hồi không có khổ nào bằng. Cứu khổ chúng sanh là làm sao cho họ thoát khỏi luân hồi. Đó là gốc của đạo Phật. Điều này chỉ có Phật thấy chứ chúng ta đâu thấy. Con người chỉ thấy đói rách và những thứ cần thiết trong cuộc sống. Mà thân này đã tạm bợ thì những thứ phụ thuộc trong cuộc sống càng tạm bợ hơn. Vì vậy Phật nói khổ từ đời này sang đời khác liên tục không biết khi nào dừng.

Trong kinh đức Phật dạy rằng: “Cái khổ bị thiêu đốt ở địa ngục chưa phải là khổ, cái khổ làm ngựa quí đói khát chưa phải là khổ, cái khổ làm trâu ngựa kéo cày kéo xe chưa phải là khổ, chỉ si mê không biết lối đi mới là khổ”. Cho nên đức Phật nói vô minh mê lầm là khổ nhất. Bởi vì nó dẫn mình đi trong luân hồi vô số kiếp. Phá được nó, không còn làm lần nữa, gọi là giải thoát sanh tử. Được vậy mới thực sự hết khổ. Đạo Phật hết sức thâm sâu, chỉ vì người ta không biết nên mới phê phán thế này thế nọ.

Vì đạo Phật đưa chúng ta đi quá cái tầm thường của con người, nên con người khó tin khó nhận. Đức Phật thấy tội cội nguồn nên Ngài thương chỉ dạy cho chúng ta đến chỗ đó mới là cứu kính. Không phải tu chút ít được phước sanh cõi lành mà cho là đủ. Sợi dây xích dù bằng vàng, nhốt chúng ta trong nhà lầu cũng bằng vàng, nhưng chúng ta vẫn thấy khổ như thường. Bởi vì còn dây xích là còn khổ. Dù xích vàng hay sắt gì cũng đều khổ hết. Khi nào thoát khỏi dây xích mới hết khổ. Giải thoát là như vậy. Cho nên đạo Phật không khuyên chúng ta tu để đời sau được sanh lên cõi trời, mà phải giải thoát sanh tử. Đó mới là cội gốc.

Thế nên chúng ta phải biết những gì đức Phật dạy là những phương thuốc trị bệnh cho chúng sanh hết khổ. Từ bệnh tham, bệnh sân, bệnh si v.v... những bệnh đó bớt được là bớt khổ. Nếu được hết sạch thì sẽ đi đến chỗ giải thoát sanh tử. Những phương pháp Phật dạy gọi là Đạo đế. Dứt được mầm đau khổ là Diệt đế, là giải thoát sanh tử.

Như vậy học Phật, tu Phật là phải ứng dụng phương pháp Phật dạy. Thầy thuốc cũng vậy, chẩn bệnh, cho thuốc, bệnh nhân phải uống thuốc mới lành bệnh. Nếu cứ xin thầy cho tôi hết bệnh mà không chịu uống thuốc thì có lành bệnh không? Đạo Phật vì thế rất thực tế chứ không phải huyền hoặc như người ta tưởng.

Hiểu được vậy mới thấy giá trị đạo Phật rất chân thật. Người Phật tử không hiểu vô tình làm cho đạo Phật trở thành mê hoặc. Lỗi đó tại ai? Cũng tại một phần ở nhà chùa. Giáo lý Phật dạy quá rõ ràng mà người tu không áp dụng, không đem ra dạy, lại dạy những chuyện đầu đầu rớt cuộc nhìn đạo Phật có khác gì ngoại đạo. Những gì ưu, những gì quý của

đạo Phật cũng không biết. Cứ nói đạo nào cũng dạy ăn hiền ở lành thôi. Mà không biết gốc của đạo Phật là thế nào. Vì không thấy được điều đó nên ngày nay theo đạo Phật, mai mốt theo đạo khác, miễn đạo nào cũng ăn hiền ở lành là được. Như vậy là không hiểu đạo Phật.

Hôm nay nhân gặp gỡ quý vị thầy thuốc nên tôi nói về thuốc của đạo Phật. Bởi vì Bác sĩ, thầy thuốc là thực tế khoa học, thì đạo Phật cũng thực tế khoa học không có gì huyền bí hết. Chỉ tại người không hiểu và nhận định sai lầm thôi.

Mong quý vị suy gẫm kỹ và ứng dụng tu hành cho có kết quả.



MỤC LỤC

Lời Đầu Sách.

1. Mục Đích Của Tôi.
2. Hoài Bảo Của Tôi.
3. Nguyên Vọng Của Tôi.
4. Cuộc Đời Là Mâu Thuẫn.
5. Pháp Phật Là Thuốc Trị Tâm Bệnh Của Chúng Sinh.

